HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 83/NQ-HĐND	*Hưng Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Đề án công nhận xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được sửa đổi tại Quyết định số 1832/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Thông báo số 738-TB/TU ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III;

Xét Tờ trình số 339/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III, bao gồm: Triệu Việt Vương, Châu Ninh, Phụ Dực, Quỳnh Phụ, Đông Hưng, Hoàng Hoa Thám, Lương Bằng, Hưng Phú, Mễ Sở, Việt Yên, Kiến Xương, Vũ Quý, Long Hưng, Hưng Hà, Khoái Châu, Vũ Thư, Ân Thi, Nguyễn Trãi, Tiên Tiến, Lạc Đạo, Văn Giang, Hoàn Long, Xuân Trúc, Tiên Lữ, Quang Hưng; Báo

cáo thẩm tra số 604/BC-BPC ngày 27 tháng 9 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án công nhận xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III *(có Đề án kèm theo)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; rà soát, hoàn thiện hồ sơ, chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực của thông tin, số liệu và các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh; quyết định và tổ chức công bố Quyết định công nhận xã Vũ Thư là đô thị loại III theo thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVIII Kỳ họp thứ Tư nhất trí thông qua ngày 28 tháng 9 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Xây dựng; Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng TTĐT Đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 01/10/2026 18:36:27

Trần Quốc Văn

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ VŨ THƯ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 16/ĐA-UBND	*Vũ Thư, ngày 09 tháng 9 năm 2026*

ĐỀ ÁN

Công nhận xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

PHẦN I: PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do và sự cần thiết

Tỉnh Hưng Yên là tỉnh nằm trong vành đai kinh tế ven vịnh Bắc Bộ với 54 km bờ biển, thuận lợi về giao thông hàng hải và các nguồn lợi từ biển là một ưu thế lớn cho sự phát triển, mở rộng giao thương và miền ảnh hưởng của Tỉnh tới các vùng kinh tế khác trong nước và quốc tế. Mặt khác việc tiếp giáp trực tiếp với 128 km sông Hồng với cửa biển Ba Lạt và các cửa biển của hệ thống sông như sông Hồng, sông Trà Lý là một lợi thế lớn có thể nhờ đó khai thác các tiềm năng về giao thông vận tải, vận chuyển hàng hóa, thương mại dịch vụ, du lịch và các giao lưu văn hóa - xã hội của tất các các vùng miền, các nền văn minh liên quan đến tuyến sông này trong mối quan hệ chi phối bởi kinh tế biển và lục địa. Đây là những nhân tố nội sinh thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và xã Vũ Thư nói riêng.

Xã Vũ Thư nằm ở phía Đông Nam tỉnh Hưng Yên, tiếp giáp khu vực đô thị Thái Bình, có vị trí thuận lợi về giao thông và liên kết vùng với Quốc lộ 10, ĐT.463, đường vành đai phía Nam cùng các tuyến giao thông quan trọng. Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của huyện Vũ Thư trước đây, khu vực Vũ Thư đã được đầu tư tương đối đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thương mại, dịch vụ và các công trình công cộng.

Sau khi thành lập trên cơ sở sắp xếp thị trấn Vũ Thư và các xã Hòa Bình, Minh Khai, Minh Quang, Tam Quang, Dũng Nghĩa; xã Vũ Thư có không gian phát triển, quy mô dân số và tiềm lực kinh tế lớn hơn; kết cấu hạ tầng tiếp tục được đầu tư, diện mạo đô thị ngày càng rõ nét. Đây là điều kiện thuận lợi để tổ chức không gian phát triển đồng bộ, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế và nâng cao chất lượng đô thị.

Việc công nhận xã Vũ Thư là đô thị loại III là cần thiết nhằm xác lập vị trí, vai trò và trình độ phát triển đô thị; tạo cơ sở huy động nguồn lực đầu tư, hoàn thiện hạ tầng, nâng cao chất lượng quản lý và đời sống Nhân dân; đồng

thời phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị của tỉnh Hưng Yên và tạo nền tảng hướng tới thành lập phường Vũ Thư khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

Phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa, cách mạng cùng những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, Vũ Thư đang từng bước chuyển từ không gian đô thị trung tâm huyện trước đây sang một không gian đô thị thống nhất, có quy mô và chức năng lớn hơn, tạo nền tảng để nâng cao chất lượng đô thị, đáp ứng các tiêu chí đô thị loại III và hướng tới thành lập phường trong giai đoạn tiếp theo.

2. Căn cứ pháp lý

2.1. Các căn cứ pháp lý về phân loại đô thị

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH14 ngày 26/11/2024; Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/1/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 148/NQ-CP của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị;

- Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;

- Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

- Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

- Các tài liệu văn bản pháp lý khác có liên quan.

2.2. Các căn cứ pháp lý liên quan

- Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 3262/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vũ Thư phê duyệt Kế hoạch và dự toán chi phí lập Đề án đề nghị công nhận xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên đạt tiêu chí đô thị loại III;

- Thông báo số 192-TB/ĐU ngày 15/9/2026 của Đảng ủy xã Vũ Thư về kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ xã về Đề án đề nghị công nhận xã Vũ Thư đạt tiêu chí đô thị loại III;

- Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 15/9/2026 của Hội đồng nhân dân xã Vũ Thư về việc thông qua Đề án công nhận xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên đạt tiêu chí đô thị loại III;

- Các văn bản khác liên quan.

3. Phạm vi nghiên cứu lập đề án

Phạm vi nghiên cứu lập đề án bao gồm toàn bộ xã Vũ Thư; phù hợp với quy hoạch chung được phê duyệt, có diện tích tự nhiên khoảng 29,07 km^2; có ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Vạn Xuân và xã Thư Trì;

- Phía Đông giáp phường Trần Hưng Đạo, phường Thái Bình và phường Vũ Phúc;

- Phía Tây giáp xã tỉnh Ninh Bình;

- Phía Nam giáp xã Tân Thuận và tỉnh Ninh Bình.

PHẦN II: NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển đô thị

Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025, theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Vũ Thư và các xã Hòa Bình, Minh Khai, Minh Quang, Tam Quang, Dũng Nghĩa thành xã mới có tên gọi là xã Vũ Thư.

Xã Vũ Thư thuộc huyện Vũ Thư (cũ), do đó gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của huyện, đó là: Tên gọi Vũ Thư, vốn là tên của một huyện anh hùng đã xuất hiện trên bản đồ Việt Nam từ năm 1969, trên cơ sở hợp nhất hai huyện Vũ Tiên và Thư Trì anh hùng đã mang trong mình truyền thống văn hiến từ ngàn xưa.

Theo dòng lịch sử, các thôn làng nay thuộc địa phận xã Vũ Thư là những thôn làng cổ được hình thành từ hàng ngàn năm trước. Đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, hầu hết các thôn làng của xã nhà thuộc tổng Khê Kiều và tổng Vô Ngại của huyện Thư Trì với những địa danh từng thấm sâu trong tâm trí của lớp người cao tuổi như: Dũng Thúy, Vô Ngại Thượng, Vô Ngại Hạ, Trà Động, Bình An, Lộc Quý, Từ Châu, Thọ Lộc, Khê Kiều, Nguyệt Lãng, Hội, Nội, Huyền Sỹ, La Uyên, La Nguyễn, Trực Nho, Minh Quán, Nghĩa Khê, Thượng Điền. Như vậy, xã Vũ Thư ra đời vốn được đặt lên một không gian xã hội, không gian lịch sử của vùng đất đã trải mấy ngàn năm gắn với những địa danh từ buổi đầu công nguyên cùng sự biến đổi địa danh, địa giới trong tiến trình lịch sử.

Từ xa xưa, sử sách từng ngợi ca quê ta là một miền quê có đồng đất tốt tươi, dân tình trọng hậu: "Thứ nhất Thư Trì, thứ nhì Vũ Tiên" hoặc "Nam Chân thất Cổ, Thư Trì lục La" (huyện Nam Chân, Nam Định có bảy làng mang chữ Cổ, huyện Thư Trì có sáu làng mang chữ La) đều là những làng có sản vật dồi dào, phong tục thuần hậu. Tự hào thay, sáu làng La này đến nay đều thuộc xã Vũ Thư.

Là miền quê có nền kinh tế nông nghiệp sớm phát triển và truyền thống học hành cũng được tạo lập từ rất sớm. Tương truyền Nhà giáo, danh tướng Đỗ Phụng Trân là người vừa có công dạy dân trong vùng học hành, sản xuất vừa có công chiêu mộ trai tráng chống giặc dữ nên đã được dân các làng La Uyên, La Điền, Phú Lễ, Khê Kiều, Thượng Điền lập đền thờ phụng.

Do có kinh tế sớm phát triển nên các thôn làng nay thuộc địa phận xã Vũ Thư có hệ thống thiết chế tín ngưỡng như đình, chùa, đền miếu khang trang

cùng những lễ hội cổ truyền với nhiều hình thức đua tài, giải trí, diễn xướng dân gian phong phú, đặc sắc. "Đức ông đình La, đức bà chùa Thẫm" vốn được nhiều thế hệ cư dân tứ trấn truyền tụng. Từ xa xưa, hội chùa Thẫm, hội chùa Múa (Phượng Vũ) vốn được du khách sùng Phật thập phương tìm về. Xã Vũ Thư cũng mang trong mình những làng chèo nổi tiếng thuở trước của đất chèo như La Uyên, Huyền Sỹ, Bình An, Vô Ngại, Dũng Thúy… Đó là những lợi thế trong tài sản văn hóa của xã Vũ Thư. Những tài sản đó đã được khơi dậy và sẽ tiếp tục được nhân lên để góp phần phát triển du lịch văn hóa, du lịch nông thôn theo xu thế của thời đại.

Song hành với truyền thống văn hóa văn hiến là truyền thống yêu nước và cách mạng, quật cường chống ngoại xâm, chống áp bức cường quyền của các thôn làng trong xã Vũ Thư. Với vị trí địa lý là cửa ngõ của tỉnh Thái Bình trước đây, miền quê này từng được xác định vừa là một pháo đài vừa là một hậu phương chiến lược của các cuộc chiến tranh ái quốc. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, những tên đất, tên người của các thôn làng thuộc xã nhà thường thấp thoáng xuất hiện trên các trang sử của dân tộc. Theo các cuốn lịch sử Đảng bộ huyện Vũ Thư, lịch sử Đảng bộ các xã Hòa Bình, Minh Khai, Minh Quang, Tam Quang, Dũng Nghĩa, thị trấn Vũ Thư thì từ buổi đầu công nguyên niền quê này đã có những nghĩa binh phò tá Hai Bà Trưng chống Hán ở thế kỷ I, Lý Bí dấy nghĩa chống quân xâm lược nhà Lương ở thế kỷ VI, nhà Trần khởi nghiệp ở thế kỷ XIII, khởi nghĩa nông dân của Hoàng Công Chất ở thế kỷ XVIII... Kể từ khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Việt Nam vào giữa thế kỷ XIX, có khá nhiều lượt người con của xã nhà đã tham gia các phong trào đấu tranh chống Pháp dưới các hình thức khác nhau. Khi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đưa ánh sáng của chủ nghĩa Mác Lê-nin về Việt Nam thì các thôn làng nay thuộc xã nhà đã sớm trở thành miền đất ươm gieo những hạt mầm cách mạng. Các tài liệu lịch sử Đảng đều ghi chép là vào tháng 6 năm 1927, làng Bình An (Hòa Bình) đã có 7 hội viên Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội. Đến cuối năm 1928, phong trào thanh niên đã lan đến các làng lân cận và có tới 20 hội viên. Đó là duyên cớ để ngay sau ngày thành lập Đảng (3 tháng 2 năm 1930) cờ đỏ sao vàng đã xuất hiện từ bến phà Tân Đệ đến phố Thẫm, báo hiệu một chặng đường đấu tranh mới do Đảng ta lãnh đạo. Đến tháng 4 năm 1930, chi bộ Bình An là một trong 4 chi bộ đầu tiên của Thư Trì - Vũ Tiên được thành lập với 5 đảng viên. Đó là một dấu son cách mạng của xã nhà.

Trải 15 năm, nhân dân các thôn làng (nay thuộc xã Vũ Thư) đã nếm mật nằm gai, bền gan vững chí, vượt qua bao gian khó hy sinh, sắt son một lòng theo Đảng. Từ các nguồn sử liệu khác nhau, trong đó có lịch sử Đảng bộ các xã, thị trấn nay thuộc xã Vũ Thư đều cho thấy vào những năm 1930 - 1945, ông cha ta

đã trải kiếp người nô lệ, đói khổ, lầm than vì sự áp bức, bóc lột của chính quyền nửa thực dân nửa phong kiến lại cơ cực hơn khi phát xít Nhật bắt dân ta nhổ lúa trồng đay. Mất mùa, nạn đói ập đến; 80 năm đã trôi qua, nhưng trong ký ức của các bậc cố lão ở xã nhà, nạn đói năm Ất Dậu 1945 vẫn còn là một cơn ác mộng, một nỗi đau nhức nhối, khó quên. Theo số liệu điều tra vào năm 1995 cho biết tỷ lệ người chết đói so với số dân của các địa phương nay thuộc xã Vũ Thư là rất cao: Dũng Nghĩa 70,2%; Tam Quang 53%; Minh Khai 40,2%; Thị trấn 40%; Hòa Bình 34%; Minh Quang 26,1%. Là một địa phương có người chết đói chiếm tỉ lệ thấp, nhưng cuốn Lịch sử Đảng bộ xã Minh Quang đã có những dòng viết vô cùng xúc động về sự kiện này: "Gần 700 người dân Minh Quang đã vĩnh viễn nằm xuống. Hàng trăm người khác bỏ làng ra đi biệt xứ… Nhiều gia đình 7 - 8 người chết không còn một ai. Nhiều gia đình khác 10 người chết 9; 5 người chết 4. Các xóm giáp Đường 10 không chỉ lo chôn người làng mà còn phải thu gom cả xác chết của không biết bao người ở các địa phương khác kéo đến kiếm ăn. Các ruộng khoai non, ngô non đều bị bới tung, dập nát lẫn lộn với các xác chết còng queo. Gồ Vượt, Gồ Tôn, gốc đa chùa Thẫm trở thành nơi đào hố chôn chung của không biết bao xác người". Nạn đói chưa qua, nạn lụt lại đến, trong những ngày các phủ huyện ở Thái Bình đang bừng bừng khí thế giành chính quyền thì đê Mỹ Lộc bị vỡ vào đêm 21/8/1945. Diệu kỳ thay, trước tình thế cam go, hiểm nghèo đó, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện Thư Trì vẫn được gấp rút triển khai. Ngày 22/8, hàng trăm nông dân tổng An Lão và làng Bình An đã dùng 15 chiếc thuyền, tổ chức cuộc tuần hành biểu dương lực lượng. 8 giờ sáng 23/8, quần chúng cách mạng bao vây, tước vũ khí của bọn thanh niên Đại Việt rồi thẳng tiến ra giành chính quyền tại huyện đường ở Tân Đệ. Trong hoàn cảnh cả huyện bị ngập lụt do vỡ đê nhưng ngày 25/8, gần 4000 nhân dân Thư Trì, trong đó lực lượng chủ công là các tầng lớp nhân dân của các thôn làng nay thuộc xã nhà vẫn nô nức giương cao cờ đỏ sao vàng kéo về huyện lỵ dự mít tinh chứng kiến Ủy ban cách mạng lâm thời huyện ra mắt.

Nước non độc lập, khắp nơi trong nước bừng bừng khí thế xây dựng chế độ mới, thi đua xây dựng đời sống mới, quyết xoá đói nghèo lạc hậu, xoá bỏ áp bức bóc lột. Nhưng, thực dân Pháp đã quay trở lại cướp nước ta một lần nữa. Chiến tranh bùng nổ. Cả nước ngập tràn khí thế diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Cán bộ và nhân dân các xã nay thuộc xã Vũ Thư đã hòa mình trong dòng thác cách mạng đó. Ngày mồng 8 tháng 2 năm 1950, giặc Pháp mở cuộc hành quân thần tốc đánh chiếm Thái Bình mà Thư Trì phải đối mặt đầu tiên. Các nguồn sử sách đã lưu danh những sự kiện quật cường chặn đường tiến công của quân giặc tại các chốt chặn ở La Uyên, Khê Kiều, Dũng Thúy... ngay từ khi chúng tiến vào, nhưng do lực lượng của giặc Pháp quá mạnh nên chúng đã nhanh chóng đánh chiếm toàn bộ tỉnh Thái Bình. Hệ thống đồn bốt ken dày từ

phà Tân Đệ về đến phố Thẫm sớm được dựng lên để quân giặc triển khai các cuộc càn quét và khống chế cửa ngõ của tỉnh. Trải hơn 4 năm đối mặt với quân thù, quân và dân xã nhà đã kiên cường anh dũng tiến hành kháng chiến thắng lợi, giải phóng quê hương và đóng góp sức người sức của chi viện cho các chiến trường trong cả nước. Ghi nhận những công lao, thành tích lớn lao đó, Nhà nước ta đã phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho xã Minh Quang, xã Hòa Bình, xã Minh Khai; hai xã Tam Quang, Dũng Thúy đã được tặng thưởng nhiều Huân chương cao quý.

Miền Bắc được giải phóng, các thế hệ cán bộ và Nhân dân nay thuộc xã nhà đã đồng tâm, dốc sức đi trọn chăng đường 20 năm (1955 - 1975) tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc, tiến hành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở Miền Nam. Sau 10 năm (1955 - 1965), trải những năm tháng hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục sản xuất và thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tiến hành xây dựng hợp tác xã nông nghiệp từ bậc thấp lên bậc cao, năng xuất lúa của các xã nay thuộc xã Vũ Thư ngày một nâng cao và đến năm 1966, đã đồng loạt ghi danh vào bảng vàng 5 tấn, góp phần vinh danh Thái Bình thành quê hương 5 tấn. Vẻ vang thay, trong phong trào "Thóc thừa cân, quân vượt mức", "Năm tấn thóc để góp phần đánh Mĩ", đã sáng danh những tên người, tên đất nay thuộc xã nhà. Trải 20 năm đánh Mỹ, các thế hệ con em quê ta lần lượt lên đường. Hàng ngàn bà mẹ đã tiễn con ra trận cạn khô nước mắt, mòn mỏi đợi chờ. Để rồi trong số hàng trăm bà mẹ liệt sĩ của xã Vũ Thư có tới gần 100 trường hợp được phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Đằng đẵng 30 năm chống Pháp - chống Mĩ, gần một vạn con em xã Vũ Thư đã ra trận, trong đó có hơn 600 người con ra đi, mãi mãi không về. Đảng bộ và Nhân dân xã Vũ Thư nguyện xin khắc sâu trong tâm can niềm tri ân và tôn vinh sự cống hiến, hy sinh của những người con quê hương qua các cuộc kháng chiến.

Năm mươi năm qua, đặc biệt là trong 4 thập niên đổi mới, hội nhập, Đảng bộ và Nhân dân các xã, nay hợp thành xã Vũ Thư đã vượt qua bao khó khăn thử thách để tiến những bước dài chưa từng có trong lịch sử. Diện mạo kinh tế xã hội, đặc biệt là cơ sở hạ tầng đã đổi thịt thay da. Từ một miền quê chủ yếu thuần nông, sau nửa thế kỷ đã có nền kinh tế tăng trưởng theo xu hướng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ ngày càng chiếm tỷ lệ cao. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng cao. Phát huy thành quả và kinh nghiệm của các thời kỳ trước, hai thập niên qua, cán bộ và Nhân dân các xã, thị trấn nay thuộc xã nhà đã tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, phát triển kinh tế nhanh, bền vững và đã tạo được những bước chuyển biến mạnh mẽ trong các phong trào thi đua yêu nước. Tiêu biểu là phong trào xây

dựng nông thôn mới và gần đây nhất là chiến dịch thần tốc thực hiện Đề án xóa nhà tạm, nhà dột nát đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ với biết bao khó khăn, thách thức khôn lường. Nhưng, "lửa thử vàng, gian nan thử sức", với bản lĩnh chính trị vững vàng, sự năng động, sáng tạo vô cùng vô tận đã kiến tạo được sức mạnh tổng hợp để hoàn thành và hoàn thành xuất sắc các mục tiêu, nhiệm vụ.

Từ bề dày truyền thống văn hoá, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hoá của các xã thị trấn nay thuộc xã Vũ Thư từng đã xuất hiện những điểm sáng trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Văn hoá truyền thống được chấn hưng, các thiết chế văn hoá được đầu tư xây dựng, tính tự chủ tự quản, tiềm năng tiềm lực sáng tạo của các tầng lớp Nhân dân được phát huy. Đồng thời, đã triển khai nhiều hoạt động thích hợp, thiết thực để thực hiện chủ trương xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

2. Đánh giá tổng hợp về công tác triển khai đầu tư, xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt

Công tác triển khai đầu tư và phát triển không gian đô thị tại xã Vũ Thư thời gian qua đã bám sát tinh thần Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026); Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Thư (Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 8/11/2019). Đặc biệt, sau bước ngoặt sáp nhập nguyên trạng địa giới hành chính 06 xã, thị trấn (thị trấn Vũ Thư và các xã Hòa Bình, Minh Khai, Minh Quang, Tam Quang, Dũng Nghĩa) vào tháng 7/2025, công tác quản lý xây dựng đã được tích hợp toàn diện, tạo ra một chỉnh thể đô thị đồng bộ, tối ưu hóa các nguồn lực hạ tầng.

2.1. Kết quả đạt được trong công tác phát triển đô thị

2.1.1. Về công tác quy hoạch và quản lý kiến trúc:

Hệ thống công cụ quản lý nhà nước về đô thị đã và đang được hoàn thiện. Sở Xây dựng đã có công văn số 3242/SXD-QHKT và PTĐT ngày 29/12/2025 đề nghị UBND tỉnh cho phép lập Quy hoạch chung đô thị đối với các xã thuộc huyện Vũ Thư cũ (kèm theo phụ lục Danh mục lập các quy hoạch chung đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh). Ngày 15/01/2026, UBND tỉnh ban hành văn bản số 230/UBND-KT1 về việc tổ chức lập quy hoạch đô thị, nông thôn trên địa bàn tỉnh, đồng ý chủ trương giao Sở Xây dựng chỉ trì lập quy hoạch chung cho đô thị Vũ Thư. Đây cũng là cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng và nâng hạng đô thị.

Công tác cấp phép xây dựng và quản lý đất đai được tăng cường; việc triển khai các dự án đầu tư được đảm bảo theo đúng quy hoạch đã duyệt, từng bước hình thành lối sống đô thị hiện đại.

2.1.2. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực xã Vũ Thư

2.1.2.1. Về hạ tầng xã hội

a. Công trình nhà ở

Mật độ dân cư đông tập trung và phát triển tại khu vực trung tâm xã. Chủ yếu phát triển dọc hai bên trục đường tỉnh, đường huyện đường trục xã… với các loại hình công trình nhà ở theo dạng kiên cố thấp tầng, có diện tích trung bình từ 100 - 200m^2/hộ.



Hình ảnh các loại hình nhà ở trên địa bàn xã Vũ Thư

Tổng hợp số liệu hiện trạng của khu vực xã Vũ Thư: số lượng nhà ở kiên cố chiếm 100%, diện tích sàn bình quân 32,2 m^2/người.

b. Công trình Hành chính

Trong khu vực trung tâm xã mật độ xây dựng tương đối cao, các công trình cơ quan, nhà ở, công trình công cộng được xây dựng khá kiên cố. Các công trình hành chính và công cộng cơ bản đã đầy đủ về hạng mục, chất lượng các công trình tốt.

Các công trình chủ yếu bố trí tập trung dọc theo đường ĐT.463, đường ĐH.01 cũ, ĐH.02 cũ, ĐH.07 cũ quy mô từ 1 đến 4 tầng. Nhiều công trình xây dựng từ khá lâu, đã xuống cấp về hình thức kiến trúc và chất lượng, hoặc không phù hợp về quy mô sử dụng, hoặc không đáp ứng về mặt chất lượng và thẩm mỹ cần phải cải tạo hoặc xây mới.

Công trình khối cơ quan cấp đô thị như trụ sở Đảng ủy, trụ sở Ủy ban nhân dân xã là khối nhà 7 tầng. Hiện trạng các công trình tốt, có các tiện ích phụ trợ như bãi để xe, hệ thống cây xanh sân vườn cảnh quan.



Trụ sở UBND xã Vũ Thư



Trụ sở Đảng ủy xã Vũ Thư



Trụ sở Công an xã



Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự

c. Công trình Y tế - Giáo dục

Hệ thống công trình giáo dục, y tế đã được quan tâm đầu tư, nâng cấp trong giai đoạn gần đây. Chất lượng công trình giáo dục, và y tế tương đối tốt, quy mô 2 - 3 tầng kiên cố, đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu của nhân dân.



Trường THPT Nguyễn Trãi



Trường THPT Lạc Long Quân



Trường THCS Vũ Thư



Trường Tiểu học Vũ Thư



Bệnh viện đa khoa Vũ Thư



Trạm y tế xã

d. Công trình văn hóa - thể dục thể thao

Với vị trí, vai trò là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa - xã hội của xã, những năm qua xã đã không ngừng nỗ lực tạo dựng môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân cũng như bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống, góp phần xác lập đời sống văn hóa mới.

Để từng bước hoàn thiện các thiết chế văn hóa, trong giai đoạn 2015-2020, xã đã quy hoạch, xây dựng các khu thể thao và công trình nhà văn hóa đa năng với các trang thiết bị đạt chuẩn. Các công trình văn hóa, thể dục - thể thao cơ bản bảo đảm cho việc tổ chức hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao của khu vực như: sân vận động, trung tâm văn hóa, thư viện, bưu điện... Ngoài ra, các nhà văn hóa thôn đạt từ 100 đến 200 chỗ ngồi; khu thể thao thôn đạt từ 500m^2 trở lên bảo đảm yêu cầu hội họp và sinh hoạt của người dân xã.

Xã triển khai nhiều chương trình, kế hoạch, tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sự nghiệp TDTT tạo sự chuyển biến rõ nét về quy mô và chất lượng. Đồng thời, thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa các hoạt động TDTT, góp phần phát triển phong trào TDTT quần chúng làm nền tảng cho thể thao thành tích cao. Từng bước đầu tư xây dựng đầy đủ các thiết chế TDTT đảm bảo cho phong trào TDTT quần chúng phát triển bền vững. Số người tập luyện TDTT

thường xuyên so với dân số ngày một tăng, các Câu lạc bộ TDTT, gia đình thể thao trong thị trấn đã và đang làm cho phong trào thể thao quần chúng ngày một sôi động, thiết thực và bổ ích.



Trung tâm văn hóa



Cụm sân bóng mini, bể bơi

e. Công trình thương mại dịch vụ

Khu vực xã Vũ Thư có Quốc lộ 10, đường tỉnh ĐT.463 đi qua là đầu mối giao thông kết nối với các đô thị Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng. Có nhiều tiềm năng để phát triển thành khu dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải phục vụ cho khu vực phía Đông Nam tỉnh Hưng Yên.

Dịch vụ thương mại trong xã phát triển. Các hoạt động thương mại chủ yếu kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng, dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, kinh doanh các mặt hàng sản xuất nông nghiệp như phân bón, thuốc trừ sâu... Khu vực chợ xã đã đáp ứng nhu cầu của cư dân xã và dân cư trong vùng.



Chợ Thông



Siêu thị điện máy

2.1.2.2. Về hạ tầng kỹ thuật

a. Giao thông đô thị

* Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 10: Chạy theo hướng Đông - Tây qua huyện dài khoảng 9km (điểm đầu cầu Tân Đệ - điểm cuối nút giao đường tránh S1) là đường cấp II.

- Đường tỉnh:

+ Đường tỉnh ĐT.463 dài 3,6 km từ đường cấp IV đồng bằng, chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu.

* Giao thông xã:

- Đường bộ: Hệ thống giao thông của khu vực xã Vũ Thư khá hoàn chỉnh, với tổng chiều dài đường trục xã 37,4km. Dân cư, các công trình công cộng xây dựng với nhiều tuyến đường trục xã, trục thôn với bề rộng lòng đường từ 2,0 - 7,0m. Các tuyến đường chính được trải nhựa với hè đường khang trang, sạch đẹp, phần lớn các ngõ hẻm trên địa bàn xã cũng đã được bê tông hóa theo tiêu chí nông thôn mới.



Đường số 2



Đường tỉnh ĐT.463

- Các loại phương tiện vận tải đường bộ:

Phương tiện vận tải hàng hoá: Số phương tiện vận tải hàng hoá của các thành phần kinh tế trên địa bàn khá đa dạng, từ xe taxi chở khách đến xe tải các loại đảm bảo phục vụ nhu cầu vận tải hành khách, vận tải hàng hóa cho nhân dân trên địa bàn.

Trên địa bàn xã có bến xe tư nhân Phiệt Học, có các dịch vụ xe tư nhân từ 4-30 chỗ vận chuyển hành khách liên tỉnh, xã. Lượng khách lưu thông được từ các phương tiện trung bình một ngày khoảng 500.300 lượt khách/năm.

* Bến bãi đỗ xe: Về cơ bản, các công trình đầu mối giao thông của khu vực xã với 01 bãi đỗ xe đã đáp ứng được nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân. Bên cạnh đó, các tuyến xe buýt liên xã đi qua địa bàn đã góp phần đưa tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng đạt 5%.

b. Cấp điện, chiếu sáng:

* Cấp điện:

Xã Vũ Thư hiện đang được cấp điện từ lưới điện quốc gia trạm 110kV Vũ Thư, lộ 374-110kV

Đến nay toàn bộ các hộ dân trong khu vực xã đã được dùng điện. Đây là

điều kiện thuận lợi giúp nâng cao dân trí và hoạt động của các cơ quan hành chính cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của thị trấn. Ngoài ra, hệ thống điện chiếu sáng cũng đã được xây dựng trên trục đường chính, nội bộ (tổng số km đường được chiếu sáng khoảng 73,50 km).

* Chiếu sáng:

Hầu hết các tuyến đường trục chính đã được đầu tư chiếu sáng đầy đủ, các tuyến đường ngõ hẻm cũng đã được đầu tư chiếu sáng, tỷ lệ chiếu sáng ngõ hẻm đạt 100%.

c. Cấp nước

Nguồn cấp nước cho xã Vũ Thư tương đối thuận lợi. Nước thô cho các nhà máy chủ yếu khai thác từ nước mặt sông Hồng.

Trên địa bàn xã hiện có 04 trạm cấp nước sạch phục vụ cho cấp nước sinh hoạt xã:

- Xí nghiệp nước Vũ Thư: Công suất 6000 m^3/ngđ (nguồn nước mặt sông Hồng). Phạm vi phục vụ: TT Vũ Thư cũ, 4/5 thôn Minh Quang cũ, 3 xóm của Hoà Bình cũ, Tân song An.

- Nhà mày nước liên xã Tự Tân: Công suất 2400 m^3/ngđ (nguồn nước mặt sông Hồng). Phạm vi phục vụ: Tự Tân, Hòa Bình, Tân Lập, Tam Quang, Minh Khai (cũ).

- Nhà máy nước Tân Lập: Công suất 2000 m^3/ngđ (nguồn nước mặt sông Hồng). Phạm vi phục vụ: Tân Lập, Tam Quang (cũ).

- Nhà máy nước Bách Thuận: Công suất 2500 m^3/ngđ (nguồn nước mặt sông Hồng). Phạm vi phục vụ: Bách Thuận, Dũng Nghĩa (cũ).

Tổng số hộ sử dụng nước máy, nước sạch từ nguồn nước hợp vệ sinh trong xã Vũ Thư: 13.462 hộ. Tỷ lệ dân số khu vực xã Vũ Thư được cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh là: 99,93%.

d. Thoát nước

- Nước thải sinh hoạt và nước mưa thoát chung, nước mưa thoát tự nhiên về các mương tiêu, đổ nước ra kênh tự nhiên.

- Tại khu vực dân cư hiện hữu: Đã có hệ thống thoát nước mưa, tuy nhiên hệ thống thoát nước đang là hệ thống thoát nước chung giữa nước mưa và nước thải.

- Nước thải công nghiệp: Hiện tại trên địa bàn xã có cụm công nghiệp Vũ Thư, CCN Tam Quang, CCN Tân Minh đang hoạt động phát sinh nước thải

công nghiệp. Tuy nhiên tại 02 cụm công nghiệp thị trấn Vũ Thư và CNN Tân Minh đã xây dựng trạm xử lý cục bộ trong khu công nghiệp; tại các cụm công nghiệp, làng nghề, khu chăn nuôi tập trung nước thải chưa được xử lý triệt để.

- Nước thải y tế: Được xử lý cục bộ trong khuôn viên cơ sở y tế.

- Mật độ đường ống thoát nước chính trên địa bàn xã Vũ Thư chủ yếu chạy dọc hai bên đường tỉnh ĐT.463, đường huyện ĐH.01, ĐH.02, ĐH.07 và các tuyến đường trục xã. Hiện tại Ủy ban nhân dân xã đang quan tâm và triển khai đầu tư xây dựng các dự án thoát nước để đáp ứng nhu cầu về thoát nước trong tương lai.

đ. Thông tin liên lạc, bưu điện

- Hạ tầng bưu chính: Trên địa bàn xã có 06 điểm bưu cục có người phục vụ.

- Hạ tầng viễn thông: Trên địa bàn xã có 05 nhà mạng cung cấp dịch vụ thông tin di động (Viettel, Viễn thông Hưng Yên, Công ty cổ phần viễn thông di động Vietnamobile, Mobifone và Gtel) với các vị trí cột thu phát sóng thông tin di động, 04 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ băng rộng di động (Viettel, Viễn thông Hưng Yên, Công ty cổ phần viễn thông di động Vietnamobile, Mobifone) đảm bảo phủ sóng toàn bộ khu vực với chất lượng tốt; 05 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ băng rộng cố định (Viettel, Viễn thông Hưng Yên, FPT, VTVcab, SCTV), hạ tầng mạng cáp quang hiện có đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của các cơ quan tổ chức và người dân trên địa bàn; có 01 đài Truyền thanh - Truyền hình xã sử dụng máy phát FM công suất dưới 380W.



Bưu điện xã



Trụ sở Vinaphone

e. Quản lý chất thải và vệ sinh môi trường đô thị

Công tác giữ gìn vệ sinh, môi trường trên địa bàn khu vực xã trong thời gian qua được chính quyền các cấp đặc biệt quan tâm, chỉ đạo. Trên địa bàn xã hiện có 03 cụm công nghiệp: CCN Vũ Thư, CCN Tam Quang, CCN Tân Minh, Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư có khả năng thải ra chất thải công nghiệp, chất thải rắn nguy hại đến môi trường; tuy nhiên đều được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu theo các quy định về lĩnh vực môi trường. Ngoài ra rác thải trên địa bàn chủ

yếu là rác thải sinh hoạt. Xã có 3 khu chất thải rắn đổ đống tập trung.

g. Nghĩa trang, sử dụng hỏa táng:

Hiện có 01 điểm nghĩa trang liệt sĩ nằm ở khu vực trung tâm xã.

Xã có 01 nghĩa trang tập trung và 4 đài tưởng niệm liệt sỹ nằm ở 4 xã cũ (trung tâm xã, Minh Quang, Minh Khai, Dũng Nghĩa cũ). Ngoài ra, nghĩa trang nhân dân phân bố rải rác trên địa bàn các xã trước sáp nhập, mỗi xã có 1-3 nghĩa trang về cơ bản đảm bảo yêu cầu các tiêu chí nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao.



Đài tưởng niệm liệt sĩ trung tâm xã Vũ Thư

Nhà tang lễ khu vực lập đề án hiện chưa có.

Trên địa bàn tỉnh Hưng Yên hiện chưa có nhà hỏa táng. Tuy nhiên, tỉnh thành lân cận là Ninh Bình đã được đầu tư xây dựng: công viên nghĩa trang Thanh Bình tại huyện Mỹ Lộc - Nam Định. Với hệ thống giao thông thuận tiện với các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, từ xã Vũ Thư đi Nam Định khoảng 20km. Hiện tại tỷ lệ sử dụng hình thức hoả táng của người dân tại thị trấn và các xã mở rộng tăng lên hàng năm, theo số liệu thống kê tỷ lệ sử dụng hình thức hoả táng đạt khoảng 72,3% tỷ lệ người mất trong 1 năm, đã đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị bền vững. Xu hướng sử dụng hình thức hỏa táng thể hiện sự hiện đại, văn minh nhằm giảm gánh nặng về chi phí, đất đai và đa dạng hóa các loại hình mai táng, đã trở thành mô hình phát triển mới được các cấp, các ngành quan tâm.

2.1.3. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị

2.1.3.1. Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc

Trong quá trình phát triển xã Vũ Thư, Ủy ban nhân dân xã đã nghiên cứu, xây dựng quy chế quản lý đô thị để thực hiện quản lý Nhà nước về: Quy hoạch kiến trúc; Đất đai; Xây dựng đô thị; Sử dụng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, trật tự an toàn đô thị, môi trường, cây xanh, điện chiếu sáng công cộng và các hoạt động văn hóa xã hội,... Đồng thời kết hợp với việc ban hành

các quy chế quản lý quy hoạch đối với các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt. Từ đó làm cơ sở quản lý trên các lĩnh vực đô thị góp phần đưa đô thị phát triển theo hướng hiện đại, văn minh.

2.1.3.2. Không gian công cộng

Trên địa bàn xã có: 01 trung tâm văn hóa thể thao, 05 sân thể thao nằm ở 5 xã cũ, Nhà văn hóa xã; Nhà truyền thống và các Nhà văn hóa cấp thôn. Về cây xanh đô thị trên địa bàn, các khu vực cây xanh tập trung và cây xanh đường phố còn ít. Hiện nay, khu vực đã và đang đẩy mạnh việc triển khai thực hiện trồng cây xanh đô thị khép kín trên tất cả các tuyến đường của xã. Ngoài ra, tại các hộ dân cư hầu hết cây xanh được trồng xen kẽ trong vườn nhà với chủng loại phong phú.

2.1.3.3. Công trình di sản, văn hóa lịch sử và kiến trúc tiêu biểu

Trên địa bàn xã có 1 di tích lịch sử cấp quốc gia, 11 di tích lịch sử văn hoá được xếp hạng cấp tỉnh, cụ thể như sau:

TT	Công trình di sản văn hóa	Địa điểm	Xếp hạng công trình di sản văn hóa		
			Cấp quốc gia đặc biệt	Cấp quốc gia	Cấp tỉnh
1	Đình Dũng Thúy	Thôn Dũng Nghĩa		x	
2	Đình Vô Thái	Thôn Dũng Nghĩa			x
3	Đình, chùa Dũng Thượng	Thôn dũng Thượng			x
4	Miếu và Từ đường cành bính họ Nguyễn	Thôn Bình An			x
5	Đình, Đền Thượng Điền	Thôn Thượng Điền			x
6	Miếu Ông	Thôn Tam Quang			x
7	Miếu Bà	Thôn Tam Quang			x
8	Đình Hội	Thôn Minh Khai			x
9	Đền, chùa Phượng Vũ	Thôn Minh Khai			x
10	Chùa Khê Kiều	Thôn Khê Kiều			x
11	Đình La Uyên	Thôn La Uyên			x
12	Đình, Miếu Huyền Sỹ	Thôn Huyền Sỹ			x

2.1.4. Về thu hút dự án động lực và hạ tầng xã hội:

Trên địa bàn xã có 03 cụm công nghiệp: CCN Vũ Thư, CCN Tam Quang, CCN Tân Minh đã đi vào hoạt động; 01 CCN Ngô Xá đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, GPMB; đây sẽ là đòn bẩy thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương.

2.2. Đánh giá chung

2.2.1. Kết quả đạt được

Xã Vũ Thư là một trong những địa phương có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh của huyện Vũ Thư (cũ), tích cực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và coi đây là giải pháp đột phá trong phát triển đô thị, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển bền vững. Sau khi đồ án quy hoạch vùng được phê duyệt, tận dụng nguồn lực nội tại và các nguồn lực xã hội hóa, Ủy ban nhân dân xã đã triển khai thực hiện và quản lý theo quy hoạch được duyệt, bước đầu đã kêu gọi và thu hút được một số nhà đầu tư đến đầu tư trên địa bàn thị xã. Nhiều dự án đầu tư xây dựng khu dân cư, dịch vụ và công trình công cộng đã và đang triển khai như:

+ Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.11 (Quốc lộ 10 đến UBND xã Tam Quang) huyện Vũ Thư;

+ Cải tạo, nâng cấp đường số 2 đoạn từ Quốc lộ 10 đến đường tránh S1, huyện Vũ Thư;

+ Xây dựng cầu Khê Kiều qua sông Cự Lâm, cầu Minh Khai qua sông Sọng và cống Thủy Lợi qua sông Kênh trên tuyến đường ĐH.01, huyện Vũ Thư;

+ Cụm dân cư phía Bắc đường 220B thuộc khu đô thị phía Nam thị trấn Vũ Thư;

+ Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.02 (đoạn từ đường ĐT.463 đến dốc Từ Châu) và tuyến nhánh, huyện Vũ Thư.

+ Khu dân cư phía đông đường số 2 xã Minh Quang, huyện Vũ Thư (khu A);

Để xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, hiệu quả, xã Vũ Thư đang tận dụng tối đa các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, tỉnh và vốn huy động từ Nhân dân, doanh nghiệp. Đồng thời, đổi mới về tư duy, đa dạng hóa các hình thức đầu tư phù hợp với quy hoạch, nhu cầu của địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng nhanh, bền vững. Xã ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho các lĩnh vực, như: giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế, thiết chế văn hóa... Nhờ đó, kết cấu hạ tầng toàn xã, nhất là hạ tầng giao thông, trường học, nhà văn hóa được xây dựng khang trang; mạng lưới y tế được xây dựng kiên cố, đảm bảo phục vụ nhu cầu chăm sóc, khám, chữa bệnh của người dân; các công trình nhà văn hóa được nâng cấp, cải tạo, đáp ứng nhu cầu giải trí, nâng cao đời sống tinh thần của người dân.

2.2.2. Thuận lợi - khó khăn

a) Thuận lợi:

- Vị trí giao thông, thuận lợi, có các tuyến đường Quốc lộ 10, đường tỉnh ĐT.463 đi qua;

- Cảnh quan đẹp, địa hình tương đối bằng phẳng, thuận lợi.

- Quỹ đất thuận lợi phát triển đô thị.

- Sự quan tâm đầu tư của tỉnh.

- Nhiều nhà đầu tư quan tâm đầu tư vào khu vực.

- Có điều kiện phát triển các ngành thương mại dịch vụ, du lịch.

b) Khó khăn:

- Hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là giao thông còn thiếu các kết nối theo hướng Đông-Tây.

- Nguồn tài chính đầu tư xây dựng của xã còn thiếu.

- Lực lượng lao động qua đào tạo vẫn đang chiếm tỷ lệ thấp.

3. Đánh giá phân loại đô thị loại III quy định tại Bảng 2A Phụ lục II của Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15

3.1. Căn cứ đánh giá phân loại đô thị và Phương pháp tính điểm

- Căn cứ đánh giá, phân loại đô thị:

Trên cơ sở hiện trạng và các số liệu quản lý của các cơ quan chuyên môn nhằm xây dựng phát triển đô thị Vũ Thư (tính đến ngày 31/12/2025); các cơ quan chuyên môn liên quan của xã cùng tiến hành tổng hợp, phân tích số liệu và đối chiếu với các quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị để so sánh, đánh giá điểm theo 3 tiêu chí quy định đối với đô thị loại III trực thuộc tỉnh.

- Phương pháp tính điểm:

Điểm số để đánh giá, phân loại đô thị được cụ thể hóa bằng 3 tiêu chí và 23 tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục II, bảng 2A của Nghị quyết 111.

Phương pháp tính điểm cụ thể như sau:

+ Đối với các tiêu chuẩn vượt quá mức quy định tối đa thì điểm số được tính bằng điểm số tối đa.

+ Đối với các tiêu chuẩn nằm trong khoảng giữa của mức quy định tối đa - tối thiểu thì điểm số được tính theo phương pháp nội suy giữa điểm số tối đa và điểm số tối thiểu.

Tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội (Đạt 15/15 điểm)

1. Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt:

Căn cứ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026; Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đô thị Vũ Thư là trung tâm dịch vụ thương mại – công nghiệp của khu vực phía cửa ngõ phía Nam tỉnh Hưng Yên,

hỗ trợ cho sự phát triển của các xã khu vực ven sông Hồng như: Thư Trì, Vạn Xuân, Vũ Tiên.

Với vị trí phía Nam của tiểu vùng đô thị ven biển phía Bắc, đô thị Vũ Thư có vai trò cửa ngõ của hệ thống đô thị các đô thị trong trong tiểu vùng đô thị phía Bắc (Vũ Thư – Thái Bình – Vũ Quý – Trà Giang – Kiến Xương – Tiền Hải – Thái Thụy – Hưng Phú).

Đô thị Vũ Thư còn có vai trò là khu vực hỗ trợ phát triển công nghiệp – dịch vụ ở phía Tây của đô thị Thái Bình, cung cấp bổ sung cho đô thị Thái Bình các chức năng mà đô thị Thái Bình còn ít dư địa, động lực phát triển do hạn chế về hiện trạng hoặc không gian.

Ngoài ra, đô thị Vũ Thư có vai trò gìn giữ, bảo quản, phát triển các không gian di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn văn hóa và phát triển du lịch của tỉnh.

2. Về vai trò, vị trí đô thị trung tâm:

Đô thị Vũ Thư tiền thân là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa của huyện Vũ Thư cũ; có trụ sở hành chính (trụ sở Đảng ủy, trụ sở Ủy ban nhân dân xã), công trình hạ tầng đô thị đã được đầu tư, xây dựng. Đô thị Vũ Thư là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối khu vực phía Đông Nam của tỉnh Hưng Yên.

Do đó, đánh giá tiêu chuẩn vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của xã Vũ Thư trong hệ thống đô thị tỉnh Hưng Yên đạt 15,0 điểm.

Tiêu chí 2: Tiêu chí mức độ đô thị hóa (Đạt 18,7/20 điểm)

1. Quy mô dân số đô thị (Đạt 5,7/7,0 điểm)

- Dân số xã Vũ Thư là 44.230 người, (Chi tiết tại biểu 1). Bao gồm:

+ Dân số thường trú là: 43.290 người.

+ Dân số tạm trú đã quy đổi là 940 người (Bao gồm: Học viên các trường đào tạo nghề; Lao động trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh, dịch vụ, Bệnh nhân ngoài khu vực đến khám chữa bệnh và người chăm sóc tại các cơ sở y tế; Khách tham quan, du lịch, dự hội nghị và hội thảo trên địa bàn).

Đánh giá tiêu chuẩn Quy mô dân số đạt 5,7/7,0 điểm.

2. Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên (Đạt 6,0/6,0 điểm).

$$D = \frac{P}{S}$$

Trong đó:

+ D: Mật độ dân số trung bình toàn xã (người/km^2).

+ P: Dân số trong toàn khu vực xã (đã bao gồm dân số quy đổi).

+ S: Diện tích đất tự nhiên của xã (km^2) không bao gồm diện tích núi cao, mặt nước, không gian xanh có giá trị là vùng sinh thái, khu dự trữ thiên nhiên được xếp hạng về giá trị sinh học và các khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

Từ công thức trên, mật độ dân số toàn đô thị của xã Vũ Thư được tính như sau:

+ Dân số toàn xã (Đã bao gồm dân số quy đổi) là: 44.230 người .

+ Diện tích tự nhiên xã Vũ Thư là: 29,07 km^2 (không bao gồm diện tích núi cao, mặt nước, không gian xanh có giá trị là vùng sinh thái, khu dự trữ thiên nhiên được xếp hạng về giá trị sinh học và các khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ). (Chi tiết tại biểu 01)

Do đó, mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên là: 44230/29,07 = 1521,5 người/km^2.

Tiêu chuẩn: 500 ÷ ≥1.000 người/km^2. Đánh giá đạt 6,0 điểm.

3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (Đạt 7,0/7,0 điểm)

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 3988 người, chiếm tỷ lệ 18,34%; lao động công nghiệp và xây dựng là 13493 người, chiếm tỷ lệ 62,07%; lao động thương mại- dịch vụ là 4259 người, chiếm tỷ lệ 19,59%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 17752 người, chiếm tỷ lệ 81,66%. (Chi tiết tại biểu 02).

Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 7,0/7,0 điểm.

Tiêu chí 3: Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị (Đạt 49,5/65 điểm)

1. Về hạ tầng kỹ thuật (Đạt 19,47/25,0 điểm)

1.1. Giao thông (Đạt 7,47/9,0 điểm)

a. Đầu mối giao thông: Xã có 01 bến xe Phiệt Học phục vụ vận chuyển hành khách của khu vực xã và các xã lân cận.

Đánh giá đạt 3,0/4,0 điểm.

b. Mật độ đường giao thông xã: Tổng chiều dài các tuyến đường trong khu vực xã là: 48,9km (Chi tiết tại biểu 03).

Do đó, mật độ đường khu vực xã là: 48,9/9,87= 4,95 (km/km2).

Tiêu chuẩn: 4 ÷ 6 km/km^2. Đánh giá đạt 4,47/5,0 điểm.

1.2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải (Đạt 6,0/7,0 điểm)

a. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung:

+ Tổng số hộ dân trên địa bàn xã là: 13.523 hộ. (Chi tiết tại biểu 4).

+ Tổng số hộ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh là: 13.462 hộ.

Do đó, tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt: 13.462/13523= 99,54%.

Tiêu chuẩn: 85 ÷ 95%. Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

b. Mật độ đường cống thoát nước chính: Tổng chiều dài đường cống thoát nước chính là: 46,1 km. (Chi tiết tại biểu 5).

Do đó, mật độ đường cống thoát nước chính khu vực xã là: 46,1/10,81 = 4.26 (km/km2).

Tiêu chuẩn 3 ÷ ≥3,5 km/km². Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

c. Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch.

Hiện nay triên địa bàn xã chưa có trạm xử lý nước thải tập trung. (Chi tiết tại biểu 06).

Đánh giá chưa đạt điểm.

1.3. Xử lý chất thải rắn (Đạt 3,0/3,0 điểm)

Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát thải trên địa bàn: 8035 (tấn/năm).

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý trên địa bàn: 8030 (tấn/năm), (Chi tiết tại biểu 07).

Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt: 8030/8035*100= 99,93%

Tiêu chuẩn: 70 ÷ ≥80%. Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

1.4. Nghĩa trang đô thị (Đạt 3,0/6,0 điểm)

a. Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch

Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch đạt: ≥70%. Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm

b. Nhà tang lễ: Hiện nay triên địa bàn xã chưa có dự án nhà tang lễ. (Chi tiết tại biểu 08).

Đánh giá không đạt điểm.

2. Về hạ tầng xã hội (Đạt 24,03/25,0 điểm)

2.1. Số giường bệnh (Đạt 5,0/5,0 điểm)

Tổng số giường bệnh cấp đô thị trên địa bàn xã Vũ Thư là 365 giường (Chi tiết tại biểu 09).

Số giường bệnh của các cơ sở y tế cấp đô thị bình quân đạt: 365/44230 *10.000*0.5= 41,26 giường/10.000 dân (ước tính toán 50% số giường bệnh sử dụng cho khám chữa bệnh của cư dân đô thị).

Tiêu chuẩn: 30 ÷ ≥35 giường/10.000 dân. Đánh giá đạt 5,0/5,0 điểm.

2.2. Cơ sở giáo dục, đào tạo (Đạt 4,03/5,0 điểm)

Hiện nay, tổng số cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn xã là 03 điểm gồm: Trường THPT Nguyễn Trãi; Trường THPT Lạc Long Quân; Trung tâm GDNN-GDTX (Chi tiết tại biểu 10).

Do đó, đánh giá đạt 4,03/5,0 điểm (Yêu cầu đạt điểm của đô thị loại III từ 1 đến ≥ 10 cơ sở).

2.3. Công trình văn hóa (Đạt 5,0/5,0 điểm)

Hiện trên địa bàn có 13 công trình gồm: Trung tâm văn hóa xã và 12 công trình di tích lịch sử cấp tỉnh (Chi tiết tại biểu 11).

Do đó, đánh giá đạt 5,0/5,0 điểm (Yêu cầu đạt điểm của đô thị loại III: từ 2 đến ≥ 10 công trình).

2.4. Công trình thể dục - thể thao (Đạt 4,0/4,0 điểm)

Tổng số các công trình thể dục thể thao trên địa bàn là 05 công trình thể dục thể thao cấp xã phục vụ dân cư bao gồm: Sân vận động Minh Khai; Sân vận động Minh Quang; Sân vận động Tam Quang, Sân vận động Hòa Bình, Sân vận động thôn Dũng Nghĩa (Chi tiết tại biểu 12).

Đánh giá đạt 4,0/4,0 điểm (Yêu cầu đạt điểm của đô thị loại III: từ 2 đến ≥ 5 công trình).

2.5. Công trình thương mại - dịch vụ (Đạt 3,0/3,0 điểm)

Hiện tại trên địa bàn có 08 công trình thương mại - dịch vụ gồm: Chợ Thông, chợ Thẫm, chợ La, chợ Ngại, trung tâm thương mại, siêu thị điện máy Media mart, siêu thị Điện máy Xanh, siêu thị Winmart (Chi tiết tại biểu 13).

Do đó đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm (Yêu cầu đạt điểm của đô thị loại III: từ 2 đến ≥ 5 công trình).

2.6. Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người (Đạt 3,0/3,0 điểm)

Trong khu vực xã Vũ Thư, tổng diện tích xây dựng các công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị là 24,76 ha; (Chi tiết tại biểu 13,14).

Do đó, đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị đạt: 24,76/44230 *10.000=5,59 (m^2/người).

Tiêu chuẩn: 1,5÷ ≥2,0 m^2/người. Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

3. Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị (Đạt 6,0/15,0 điểm)

3.1. Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên

Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng là 01 khu gồm: Khu trung tâm văn hóa, thể thao, đài tưởng niệm kết hợp quảng trường, công viên cây xanh trung tâm xã.

Đánh giá đạt 3,0/4,0 điểm.

3.2. Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên

+ Diện tích tự nhiên xã Vũ Thư là: 29,07km^2.

+ Diện tích không gian xanh là: 18,88 km^2(rừng, đồi, núi, thảm thực vật ven sông, hồ và ven biển), không gian xanh bán tự nhiên (sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản) và không gian xanh nhân tạo (không gian xanh công cộng, cây xanh chuyên dụng, không gian cây xanh ngoài công cộng và các dạng phủ xanh khác). (Chi tiết tại biểu 13).

Tổng diện tích không gian xanh trên diện tích đất tự nhiên là: 18,88/29,07 *100 = 64.97%.

Tiêu chuẩn: 25÷ ≥35%. Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

3.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị

Đất cây xanh công cộng khu vực đô thị (không tính cây xanh chuyên dụng): diện tích đất cây xanh bao gồm công viên, vườn hoa là: 1,03m^2/người.

Tiêu chuẩn: 6÷ ≥7%. Đánh giá *c*hưa đạt điểm.

3.4. Quy chế quản lý kiến trúc

Xã Vũ Thư chưa có Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị. Đánh giá chưa đạt điểm.

3.2. Tổng hợp đánh giá các tiêu chí phân loại đô thị

Với những kết quả đánh giá về tình hình thực trạng phát triển đô thị xã Vũ Thư đối chiếu với các tiêu chí của đô thị loại III được quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; xã Vũ Thư đạt 83,2/100 điểm (điểm quy định tối thiểu yêu cầu là 75 điểm), trong đó có 04 tiêu chuẩn không đạt và 02 tiêu chuẩn đạt điểm trên tối thiểu nhưng chưa đạt điểm tối đa. Cụ thể:

Tiêu chí 1	**Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội**	**15/15 điểm**
Tiêu chí 2	**Mức độ đô thị hóa**	**18,7/20 điểm**
Tiêu chí 3	**Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không**	**49,5/65 điểm**

	gian đô thị	

Tổng hợp 23 tiêu chuẩn tương ứng với 03 tiêu chí được chia thành các nhóm sau:

+ Tổng số tiêu chuẩn đạt tối đa: 14 tiêu chuẩn;

+ Tổng số tiêu chuẩn đạt trung bình: 03 tiêu chuẩn;

+ Tổng số tiêu chuẩn đạt tối thiểu: 02 tiêu chuẩn;

+ Tổng số tiêu chuẩn chưa đạt: 04 tiêu chuẩn.

04/23 tiêu chuẩn chưa đạt điểm là:

(1) Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch;

(2) Nhà tang lễ;

(3) Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị;

(4) Quy chế quản lý kiến trúc.

Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân xã sẽ tiếp tục xây dựng kế hoạch tập trung nguồn lực từng bước hoàn thiện các tiêu chuẩn còn thiếu, còn yếu để dần hoàn thiện tất cả các tiêu chí theo quy định.

3.3. Tổng hợp đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá toàn đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định		Hiện trạng		Đánh giá
			Tiêu chuẩn	Thang điểm T.đa-t.thiểu	Tiêu chuẩn	Điểm	
TC1	**VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**			**11,5-15**		**15**	**Đạt điểm tối đa**
1	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông		Cấp tỉnh	7	Căn cứ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026; Nhiệm vụ	7	Tối đa

			Cấp xã	5,5	điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đô thị Vũ Thư là trung tâm dịch vụ thương mại – công nghiệp của khu vực phía cửa ngõ phía Nam tỉnh Hưng Yên, hỗ trợ cho sự phát triển của các xã khu vực ven sông Hồng như: Thư Trì, Vạn Xuân, Vũ Tiên. Với vị trí phía Nam của tiểu vùng đô thị ven biển phía Bắc, đô thị Vũ Thư có vai trò cửa ngõ của hệ thống đô thị các đô thị trong trong tiểu vùng đô thị phía Bắc (Vũ Thư – Thái Bình – Vũ Quý – Trà Giang – Kiến Xương – Tiền Hải – Thái Thụy – Hưng Phú).		
2	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối		Cấp tỉnh	8	Đô thị Vũ Thư tiền thân là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa của huyện Vũ Thư cũ; có trụ sở hành chính (trụ sở Đảng ủy, trụ sở Ủy ban nhân dân xã), công trình hạ tầng đô	8	Tối đa

			Cấp xã	6	thị đã được đầu tư, xây dựng. Đô thị Vũ Thư là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối khu vực phía Đông Nam của tỉnh Hưng Yên.		
TC2	**MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**			**15.5-20**		**18,7**	**Đạt điểm trung bình**
1	Quy mô dân số đô thị	nghìn người	≥ 200	7	44230	5,7	Trung bình
			20	5,5			
2	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên*	người/km2	≥ 1000	6	1521,5	6	Tối đa
			500	4,5			
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	≥ 65	7	81,66%	7	Tối đa
			55	5,5			
TC3	**TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**			**48-65**		**49,5**	**Đạt điểm tối thiểu**
I	**Về hạ tầng kỹ thuật**			**18.25-25**		**19,47**	
1	**Giao thông**					**7,47**	
1,1	Đầu mối giao thông		Cấp tỉnh	4	Cấp xã	3	
			Cấp xã	3			
1,2	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km2	6	5	4,95 km/km2	4,47	Trung bình
			4	4			
2	**Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải**			**4,75-7**		**6**	

2,1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95	3	100%	3	Tối đa
			85	2			
2,2	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km2	≥ 3.5	3	4.26 km/km2	3	Tối đa
			3	2			
2,3	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	%	≥ 70	1	0	0	
			50	0,75			
3	**Xử lý chất thải rắn**			**2-3**		**3**	**Tối đa**
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	**%**	≥ 80	3	100	3	
			70	2			
4	**Nghĩa trang đô thị**					**3**	
4,1	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch	**%**	≥ 70	3	≥ 70	3	Tối đa
			50	2			
4,2	Nhà tang lễ	Cơ sở	≥ 1	3	Có dự án	0	
			Có dự án	2,5			
II	**Về hạ tầng xã hội**			**18.25-25**		**24,03**	
1	Số giường bệnh	Giường/10.000 dân	≥ 35	5	41,26 giường/10.000 dân	5	Tối đa
			30	3,75			
2	Cơ sở giáo dục, đào tạo	Cơ sở	≥ 10	5	3 cơ sở	4,03	Trung bình
			1	3,75			
3	Công trình văn hóa	công trình	≥ 10	5	13	5	Tối đa
			2	3,75			

4	Công trình thể dục, thể thao	công trình	≥ 5	4	5	4	Tối đa
			2	3			
5	Công trình thương mại, dịch vụ	công trình	≥ 5	3	8	3	Tối đa
			2	2			
6	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	m2/người	≥ 2	3	5,59 m²/người	3	Tối đa
			1,5	2			
III	**Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị**			**11.5-15**		**6**	
1	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên	khu	≥ 2	4	1	3	
			1	3			
2	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	%	≥ 35	3	64,97%	3	Tối đa
			25	2			
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	m2/người	≥ 7	3	1,03 m2/người	0	
			6	2,5			
4	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	Quy chế	Đã thực hiện quy chế từ 03 năm trở lên	5	Chưa có quy chế quản lý kiến trúc đô thị	0	
			Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	4			
Tổng cộng theo bảng điểm						**83,2**	

4. Đánh giá trình độ phát triển đô thị của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị

4.1. Căn cứ đánh giá phân loại đô thị và Phương pháp tính điểm

- Căn cứ đánh giá, phân loại đô thị:

Xã Vũ Thư có phạm vi ranh giới thuộc 01 đơn vị hành chính cấp xã do đó đánh giá trình độ phát triển đô thị theo Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị để so sánh, đánh giá điểm theo 3 tiêu chí quy định đối với đô thị loại III trực thuộc tỉnh.

- Phương pháp tính điểm:

Điểm số để đánh giá, phân loại đô thị được cụ thể hóa bằng 3 tiêu chí và 37 tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục II, bảng 2B của Nghị quyết 111.

Phương pháp tính điểm cụ thể như sau:

+ Đối với các tiêu chuẩn vượt quá mức quy định tối đa thì điểm số được tính bằng điểm số tối đa.

+ Đối với các tiêu chuẩn nằm trong khoảng giữa của mức quy định tối đa - tối thiểu thì điểm số được tính theo phương pháp nội suy giữa điểm số tối đa và điểm số tối thiểu.

Tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội (Đạt 12,5/15 điểm)

1. Tỷ lệ tăng dân số (Đạt 3,9/5,0 điểm)

Tỷ lệ tăng dân số là tỷ lệ tăng dân số hằng năm phản ánh mức tăng, giảm do tăng tự nhiên và di cư thuần được biểu thị bằng tỷ lệ phần trăm. Năm 2025, tỷ lệ tăng dân số trung bình/ năm đạt: 1,10%. (Chi tiết tại biểu 16).

Tiêu chuẩn: 1 ÷ ≥ 1,4%. Đánh giá tiêu chuẩn tỷ lệ tăng dân số đạt: 3,9/5,0 điểm.

2. Thu nhập bình quân đầu người (Đạt 4,6/6,0 điểm)

Thu nhập bình quân đầu người xã Vũ Thư (năm 2025): Đạt 79,7 triệu đồng/người/năm. Thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh Hưng Yên (năm 2025): Đạt 78,6 triệu đồng/người/năm. (Chi tiết tại biểu 16).

Tiêu chuẩn: 1 ÷ ≥ 1,2lần. Xã Vũ Thư đạt 1,01 lần.

Đánh giá tiêu chuẩn tỷ lệ tăng dân số đạt: 4,6/6,0 điểm.

3. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

Năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo của xã là 1,33%. (Chi tiết tại biểu 17).

Tiêu chuẩn: 5 ÷ ≤ 4%. Đánh giá tiêu chuẩn tỷ lệ hộ nghèo đạt: 4,0/4,0 điểm.

Tiêu chí 2: Tiêu chí mức độ đô thị hóa (Đạt 16,6/20 điểm)

1. Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị

+ Dân số toàn xã (Đã bao gồm dân số quy đổi) là: 44.230 người .

+ Diện tích đất xây dựng đô thị xã Vũ Thư là: 10,81 km2 (không bao gồm diện tích núi cao, mặt nước, không gian xanh có giá trị là vùng sinh thái, khu dự trữ thiên nhiên được xếp hạng về giá trị sinh học và các khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ). (Chi tiết tại biểu 15).

Do đó, mật độ dân số trung bình toàn đô thị là: 44230/9,87= 4481 người/km2.

Tiêu chuẩn: 4.000 ÷ ≥6.000 người/km². Đánh giá đạt 8,1 điểm.

2. Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị

Đất xây dựng đô thị hiện trạng trên địa bàn xã Vũ Thư khoảng 987 ha, chiếm khoảng 50% tổng diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch. Kết quả cho thấy quá trình đầu tư xây dựng và đô thị hóa trên địa bàn đã đạt được mức độ nhất định, đồng thời vẫn còn quỹ đất xây dựng đô thị lớn theo định hướng quy hoạch để tiếp tục phát triển các khu chức năng đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các khu dân cư trong giai đoạn tiếp theo.

Tiêu chuẩn: 50 ÷ ≥ 75%. Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị đạt: 4,5/6,0 điểm.

3. Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ

Năm 2025, cơ cấu kinh tế của xã Vũ Thư như sau: khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 57,96%, khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 30% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 12,04% trong cơ cấu kinh tế của xã. (Chi tiết tại biểu 16).

Tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và dịch vụ đạt 87,96% là mức cao, thể hiện rõ tính chất kinh tế đang chuyển mạnh từ nông nghiệp sang công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Đây là một trong những cơ sở quan trọng khẳng định quá trình hình thành các yếu tố kinh tế đô thị tại Vũ Thư. Tỷ trọng này đã vượt xa mục tiêu đề ra tại Nghị quyết của xã năm 2025.

Đánh giá tiêu chuẩn Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đạt: 4,0/4,0 điểm.

Tiêu chí 3: Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị (Đạt 50,85/65 điểm)

1. Về hạ tầng kỹ thuật (Đạt 19,5/25,0 điểm)

1.1. Giao thông (Đạt 6,0/9,0 điểm)

a. Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị: Tổng diện tích đất giao thông đô thị là 3,08 km^2, bao gồm diện tích đường đô thị, công trình đầu mối giao thông, diện tích đường giao thông đối ngoại và diện tích bến, bãi đỗ xe trên địa bàn đô thị. Diện tích đất xây dựng đô thị là 9,87 km^2. Tiêu chí tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị đạt: 3,08/9,87 = 31,2%. (Chi tiết tại biểu 15).

Tiêu chuẩn: 12 ÷ ≥ 17%. Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

b. Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người: Tổng diện tích đất giao thông là 881540 m^2; dân số đô thị là 44230 người. Tiêu chí diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người đạt 19,93 m^2/người. (Chi tiết tại biểu 03).

Tiêu chuẩn: 7 ÷ ≥ 9 m^2/người. Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

c. Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính

Chiều dài đường phố chính đã được ngầm hóa đường dây, đường cáp = 4,84 km; Tổng chiều dài đường phố chính = 48,9 km.

Hiện nay trên địa bàn xã, việc ngầm hóa các đường dây, đường cáp được triển khai ở một số trục giao thông chính, và các khu dân cư đô thị mới. Chiều dài đường phố chính đã được ngầm hóa đường dây, đường cáp = 4,84 km; Tổng chiều dài đường phố chính = 48,9 km. (Chi tiết tại biểu 19).

Do đó: 4,84/48,9*100 = 9,89%.

Như vậy, tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên các tuyến phố chính của xã Vũ Thư đạt khoảng 9,79%. Đánh giá chưa đạt điểm.

1.2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải (Đạt 4,0/6,0 điểm)

a. Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người:

Khu vực xã Vũ Thư được cấp nước sạch bởi Xí nghiệp nước Vũ Thư, nhà máy nước Tự Tân, nhà máy nước Tân Lập, nhà máy nước Bách Thuận.

Tổng công suất khai thác vận hành của 04 đơn vị là 12.900 m3/ngđ, trong đó khoảng 50% công suất cấp nước thực tế cho xã đạt. (Chi tiết tại biểu 20).

- Cấp nước sinh hoạt đạt: 12.900/44230*1000*0.5=145,8 (lít/người/ngày đêm) (Tiêu chuẩn: 80 ÷ 100 lít/người/ngày đêm). Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

b. Thoát nước chống ngập úng đô thị

Khu vực xã Vũ Thư hiện có điểm ngập úng cục bộ tại khu dân cư Minh Tân giáp trụ sở Ngân hàng nông nghiệp; UBND xã đã triển khai dự án cải tạo hệ thống thoát nước trong khu dân cư và làm lại mặt đường; đến nay đã khắc phục ≥90% tình trạng ngập úng cục bộ trong khu dân cư Minh Tân. (Chi tiết tại biểu 22). Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

c. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật

Hiện nay, khu vực xã Vũ Thư chưa có nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt. (Chi tiết tại biểu 06). Đánh giá chưa đạt điểm.

1.3. Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị (Đạt 4,0/4,0 điểm)

a. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát thải trên địa bàn: 8035 (tấn/năm).

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn: 8035 (tấn/năm). (Chi tiết tại biểu 07).

Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom đạt: 8035/8035*100= 100%

Tiêu chuẩn: 80 ÷ ≥ 90%. Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

b. Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn

Căn cứ số liệu điều tra tại phụ lục bảng biểu 07: Thống kê khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý, xác định tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn là 6.103 (tấn/năm) đạt 76%.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

c. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng

+ Số ca tử vong trong năm 2025 là: 119 ca

+ Số ca sử dụng hình thức hoả táng năm 2025 là: 86 ca

Do đó, Tỷ lệ sử dụng hình thức hoả táng năm 2025 là: 86/119 *100=72,3%. (Chi tiết tại biểu 08).

Tiêu chuẩn: 5- 15%. Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

1.4. Cấp điện và chiếu sáng công cộng (Đạt 3,8/4,0 điểm)

a. Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người

Tổng điện năng sinh hoạt tiêu thụ khu vực dân cư năm 2025 là: 143.514.041 (kwh/năm), (Chi tiết tại biểu 22);

Do đó, tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt đạt: 143.514.041/44230=3244.722 (kwh/ng/năm)

Tiêu chuẩn: 400 ÷ ≥ 1000 kwh/người/năm. Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

b. Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng

Tổng số trục đường chính, nội bộ là 73,5 km, hệ thống chiếu sáng đã đầu tư trên các tuyến đường chính, nội bộ được 73,5 km, (Chi tiết tại biểu 23,24). Do đó, tỷ lệ đường chính, nội bộ được chiếu sáng đạt: 73,5 /73,5 *100 = 100%.

Tiêu chuẩn: 80 ÷ ≥95%. Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

c. Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh

Số tuyến đường chính, nội bộ là 61 tuyến.

Số tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh là 12 tuyến;

Tỷ lệ đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh là: 12/61*100 = 19,67%. (Chi tiết tại biểu 25).

Tiêu chuẩn: 15 ÷ ≥50%. Đánh giá đạt 0,8/1,0 điểm.

1.5. Hạ tầng viễn thông (Đạt 1,7/2,0 điểm)

- Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định.

Năm 2025, khu vực xã Vũ Thư có 13176 hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định, tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã là: 10771 hộ. Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định đạt 87,75%. (Chi tiết tại biểu 26).

Tiêu chuẩn: 80 ÷ ≥100%. Đánh giá đạt 1,7/2,0 điểm.

2. Về hạ tầng xã hội (Đạt 22,4/25,0 điểm)

2.1. Nhà ở (Đạt 4,0/6,0 điểm)

Diện tích nhà ở bình quân đầu người xã Vũ Thư đạt 32,2 m^2 sàn/người, được tính bằng tổng diện tích sàn nhà ở 1.424.206 m^2 / 44230 dân số. (Chi tiết tại biểu 27).

Tiêu chuẩn: 28 ÷ ≥32%. Đánh giá đạt 4,0/4,0 điểm.

b. Nhà ở xã hội

Trên địa bàn xã Vũ Thư hiện chưa có dự án nhà ở xã hội đang triển khai. Đánh giá đạt 0,00/2,0 điểm.

2.2. Công trình công cộng (Đạt 18,4/19,0 điểm)

a. Đất dân dụng bình quân đầu người

Trong khu vực xã Vũ Thư, tổng diện tích đất dân dụng là 398,05 ha, (Chi tiết tại biểu 15);

Do đó, đất dân dụng bình quân đầu người đạt: 398,05/44230 *10.000 = 89,99 (m^2/người).

Tiêu chuẩn: 50 ÷ 110 m^2/người. Đánh giá đạt 2,7/3,0 điểm.

b. Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người.

Trong khu vực xã Vũ Thư, tổng diện tích xây dựng các công trình dịch vụ công cộng cấp đơn vị ở là 24,72 ha, (Chi tiết tại biểu 12,13,14);

Do đó, đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người đạt: 24,72/44230 *10.000=5,6 (m^2/người).

Tiêu chuẩn: 3÷ ≥4,0 m^2/người. Đánh giá đạt 4,0/4,0 điểm.

c. Số trường công lập đạt chuẩn

Trong khu vực xã Vũ Thư, hiện có 18/18 trường học đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 50% trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, (Chi tiết tại biểu 10);

Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

d. Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số

Tiêu chí này đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống trường tiểu học công lập so với quy mô dân số trên địa bàn. Hiện tại, mạng lưới trường tiểu học công lập trên địa bàn xã Vũ Thư đang đáp ứng tỷ lệ 01 trường/7372 nghìn người, (Chi tiết tại biểu 10).

Đánh giá đạt 2,7/3,0 điểm.

đ. Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số.

Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân được tính trên tổng dân số. Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở bình quân tính trên đầu người đạt 2,75 m2/người, được tính bằng 121.479,0 m^2 đất / 44230 dân số. (Chi tiết tại biểu 10);

Tiêu chuẩn: 1,8÷ ≥2,0 m^2/người. Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

e. Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số.

Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) bình quân được tính trên tổng dân số. Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao bình quân xã Vũ Thư đạt 2,11 m2/người, được tính bằng 93.432.67 m2 đất /44230 dân số. (Chi tiết tại biểu 11,12);

Tiêu chuẩn: 1÷ ≥1,5 m²/người. Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

3. Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị (Đạt 8,95/15,0 điểm)

3.1. Không gian đô thị (Đạt 2,0/4,0 điểm)

a. Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người

Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người đạt 1,07 m2/người.

Tiêu chuẩn: 2÷ ≥3 m²/người. Đánh giá chưa đạt điểm.

b. Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m2 trở lên

Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng là 21 khu gồm: Sân thể thao xã, các thôn (Chi tiết tại biểu 12);

Tiêu chuẩn: 1÷ ≥5 số khu. Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

3.2. Kiến trúc, cảnh quan đô thị (Đạt 2,6/4,0 điểm)

a. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị

Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị là tỷ lệ phần trăm (%) giữa số tuyến phố (hoặc chiều dài tuyến phố) được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị trên tổng số tuyến phố (hoặc tổng chiều dài) của đô thị.

Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị đạt ≥22%. (Chi tiết tại biểu 28). Đánh giá đạt 1,6/2,0 điểm.

b. Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ

Tiêu chí này được đánh giá dựa trên tổng số lượng các công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản, di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, công nhận và đang được thực hiện công tác bảo vệ, gìn giữ, tôn tạo trên địa bàn.

Hiện nay, trên địa bàn có 12 công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ, (Chi tiết tại biểu 11).

Tiêu chuẩn: 1÷ ≥3. Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

c. Công trình xanh

Tiêu chí này được đánh giá dựa trên số lượng các công trình trên địa bàn đã được đánh giá và cấp chứng nhận là "Công trình xanh" (đáp ứng các tiêu chuẩn về sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng và thân thiện với môi trường).

Hiện nay, trên địa bàn chưa có công trình xanh

Đánh giá đạt 0,0/1,0 điểm.

3.3. Quản trị đô thị (Đạt 4,35/7,0 điểm)

Theo quy định: Tiêu chí này đánh giá việc địa phương đã lập, phê duyệt và ban hành Kế hoạch phát triển đô thị hay chưa, làm cơ sở để đầu tư và quản lý phát triển đô thị.

Hiện nay, địa phương chưa có hành Kế hoạch phát triển đô thị.

Đánh giá đạt 0,0/1,0 điểm.

b. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình

Tỷ lệ này được tính bằng phần trăm (%) giữa số lượng hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận trong kỳ đánh giá.

Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt: 3036/7553*100 = 40,19%. (Chi tiết tại biểu 29).

Đánh giá đạt 1,6/1,0 điểm.

c. Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch

Theo quy định: Tiêu chí được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số lượng (hoặc chiều dài) các tuyến phố chính đã được cải tạo, chỉnh trang hoàn thành trong thực tế so với chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch.

Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch đạt 75%.

Đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm.

d. Quản lý phát triển đô thị thông minh

Theo quy định: Tiêu chí này đánh giá mức độ triển khai các đề án, dự án hoặc hạng mục thuộc chương trình phát triển đô thị thông minh (ví dụ: Trung tâm điều hành thông minh IOC, hệ thống camera giám sát an ninh giao thông, ứng dụng công dân số...).

Hiện nay, xã chưa triển khai ứng dụng công nghệ quản lý phát triển đô thị thông minh.

Đánh giá đạt 0,0/1,0 điểm.

đ. Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị

Tiêu chí này được đánh giá dựa trên kết quả khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước cung cấp dịch vụ công trên địa bàn.

Qua khảo sát, mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị đạt 95%.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

4.2. Tổng hợp đánh giá các tiêu chí phân loại đô thị

Với những kết quả đánh giá về tình hình thực trạng phát triển đô thị xã Vũ Thư đối chiếu với các tiêu chí của đô thị loại III được quy định tại Bảng 2B, Phụ lục II Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; xã Vũ Thư đạt 79,95/100 điểm (điểm quy định tối thiểu yêu cầu là 75 điểm), trong đó có 07 tiêu chuẩn không đạt và 02 tiêu chuẩn đạt điểm trên tối thiểu nhưng chưa đạt điểm tối đa. Cụ thể:

Tiêu chí 1	**Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội**	**12,5/15 điểm**
Tiêu chí 2	**Mức độ đô thị hóa**	**16,6/20 điểm**
Tiêu chí 3	**Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị**	**50,85/65 điểm**

Tổng hợp 37 tiêu chuẩn tương ứng với 03 tiêu chí được chia thành các nhóm sau:

+ Tổng số tiêu chuẩn đạt tối đa: 19 tiêu chuẩn;

+ Tổng số tiêu chuẩn đạt trung bình: 09 tiêu chuẩn;

+ Tổng số tiêu chuẩn đạt tối thiểu: 02 tiêu chuẩn;

+ Tổng số tiêu chuẩn chưa đạt: 07 tiêu chuẩn.

07/37 tiêu chuẩn chưa đạt điểm là:

(1) Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính

(2) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật

(3) Nhà ở xã hội

(4) Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người

(5) Công trình xanh

(6) Kế hoạch phát triển đô thị

(7) Quản lý phát triển đô thị thông minh

Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân xã sẽ tiếp tục xây dựng kế hoạch tập trung nguồn lực từng bước hoàn thiện các tiêu chuẩn còn thiếu, còn yếu để dần hoàn thiện tất cả các tiêu chí theo quy định.

4.3. Tổng hợp đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trình độ phát triển đô thị

Thứ tự	Mã tiêu chuẩn	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định theo loại đô thị		Điểm	Nội dung đánh giá	Điểm đạt
				Loại II	Loại III			
TỔNG ĐIỂM								**79,95**
I		**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**				**11,5-15**		**12,5**
1	2B.I.01	Tỷ lệ tăng dân số	%	≥ 1,8	≥ 1,4	5	1,10%	3,9
				1,4	1	3,5		
2	2B.I.02	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	Lần	≥ 1,5	≥ 1,2	6	Thu nhập bình quân đầu người bình quân đạt 79,7 triệu đồng/người/năm. Thu nhập bình quân đầu người năm 2025 tỉnh Hưng Yên đạt 78,6 triệu đồng/người/năm.	4,6
				1,2	1	4,5		
3	2B.I.03	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	< 2,5	< 4	4	Tỷ lệ hộ nghèo là 1,33%	4
				3	5	3,5		
II		**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**				**15,5-20**		**16,6**
1	2B.II.04	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	người/km ^{2}	≥ 8.000	≥ 6.000	10	4481 người/km2	8,1
				6.000	4.000	8		
				> 25.000				
2	2B.II.05	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị	%	≥ 75		6	50%	4,5
				50		4,5		
3	2B.II.06	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên		4	Tỷ trọng CN-XD và Dịch vụ đạt 87,96% vượt mục tiêu đề ra	4
				Đạt mục tiêu đề ra		3		
III		**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG**				**48-65**		**50,85**

		GIAN ĐÔ THỊ						
III.1		**Về hạ tầng kỹ thuật**				**18,5-25**		**19,5**
3.1.1		***Giao thông***				***6,5-9***		***6***
1	2B.III.07	Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	%	≥ 22	≥ 17	3	31,20%	3
				15	12	2		
2	2B.III.08	Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người	m²/người	≥ 13	≥ 9	3	19,93 m²/người	3
				11	7	2		
3	2B.III.09	Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính	%	≥ 70	≥ 50	3	đạt 9,89%	0
				50	40	2,5		
3.1.2		***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***				***4,5-6***		***4***
1	2B.III.10	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/người/ngày đêm	100		2	135,6 lít/người/ngày đêm	2
				80		1,5		
2	2B.III.11	Thoát nước chống ngập úng đô thị	%	≥ 75	≥ 50	2	100%	2
				50	25	1,5		
3	2B.III.12	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥50	≥ 35	2	0%	0
				35	20	1,5		
3.1.3		***Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị***				***3,0-4,0***		***4***
1	2B.III.13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	100	≥ 90	2	100%	2
				90	80	1,5		
2	2B.III.14	Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn	%	≥75		1	76,00%	1
				50		0,75		
3	2B.III.15	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	≥ 30	≥ 15	1	72,3%	1
				15	5	0,75		
3.1.4		***Cấp điện và chiếu sáng công cộng***				***3,0-4,0***		***3,8***
1	2B.III.16	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 1.500	≥ 1.000	2	3244,722 kwh/người/năm	2
				750	400	1,5		
2	2B.III.17	Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng	%	≥ 95		1	100%	1
				80		0,75		
3	2B.III.18	Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng	%	≥ 50		1	19,67%	0,8
				15		0,75		

		lượng, chiếu sáng thông minh						
3.1.5		***Hạ tầng viễn thông***				***1,5-2***		***1,7***
1	2B.III.19	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định	%	100		2	87,75%	1,7
				90	80	1,5		
III.2		**Về hạ tầng xã hội**				**18,5-25**		**22,4**
3.2.1		***Nhà ở***				***4,5-6***		***4***
1	2B.III.20	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m^2 sàn/người	≥ 32		4	32,2 m2 sàn/người	4
				28		3		
2	2B.III.21	Nhà ở xã hội	Dự án	≥ 2	≥ 1	2	không có	0
				1	Đang xây dựng	1,5		
3.2.2		***Công trình công cộng***				***14-19***		***18,4***
1	2B.III.22	Đất dân dụng bình quân đầu người	m²/người	50 đến 90	50 đến 110	3	89,99 m²/người	2,7
				< 50		2		
				> 90	> 110	0		
2	2B.III.23	Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	m²/người	≥ 4,0		4	5,6 m²/người	4
				3		3		
3	2B.III.24	Số trường công lập đạt chuẩn		80% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, trong đó ít nhất có 20% đạt mức độ 2		3	18/18 trường học đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 50% trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.	3
				60% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên		2,5		
4	2B.III.25	Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số	trường	Đáp ứng 01 trường/6.000 người		3	có 6 trường (01 trường /7372 người)	2,7
				Đáp ứng 01 trường/8.000 người		2,5		

5	2B.III.26	Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số	m²/người	≥ 2,0		3	2.75 m²/người	3
				1,8		2		
6	2B.III.27	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số	m²/người	≥ 1,5		3	2,11 m²/người	3
				1		2		
III.3		**Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị**				***11,0-15,0***		***8,95***
3.3.1		***Không gian đô thị***				***3,0-4,0***		***2***
1	2B.III.28	Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người	m²/người	≥ 3		2	1,07	0
				2		1,5		
2	2B.III.29	Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m ^{2} trở lên	Số khu	≥ 10	≥ 5	2	23 khu	2
				5	1	1,5		
3.3.2		***Kiến trúc, cảnh quan đô thị***				***3,0-4,0***		***2,6***
1	2B.III.30	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	≥ 60	≥ 40	2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị đạt 22%	1,6
				40	20	1,5		
2	2B.III.31	Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ	Công trình	≥ 6	≥ 3	1	Trên địa bàn có 12 công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ.	1
				3	1	0,75		
3	2B.III.32	Công trình xanh	Công trình	≥ 4	≥ 2	1	Trên địa bàn chưa có công trình xanh	0
				2	1	0,75		
3.3.3		***Quản trị đô thị***				***5,0-7,0***		***4,35***
1	2B.III.33	Kế hoạch phát triển đô thị		Đã thực hiện ≥ 03 năm		1	Xã chưa có hành Kế hoạch phát triển đô thị.	0
				Có kế hoạch		0,5		
2	2B.III.34	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	≥ 80	≥ 60	2	40,19%	1,6
				50	35	1,5		
3	2B.III.35	Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch	%	100		1	75%	0,75
				75		0,75		
4	2B.III.36	Quản lý phát triển đô thị thông minh		Đã triển khai ≥ 01 dịch vụ tiện ích đô thị thông minh		1	Xã chưa triển khai ứng dụng công nghệ quản lý phát triển đô thị thông minh.	0

				Có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh		0,75		
5	2B.III.37	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị	%	100	≥ 95	2	> 95%	2
				95	90	1,5		

5. Kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị trong giai đoạn tiếp theo

5.1. Quan điểm triển khai kế hoạch

Kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị xã Vũ Thư trong giai đoạn tiếp theo được xây dựng và thực thi dựa trên các quan điểm chỉ đạo xuyên suốt sau:

1. Tuân thủ tuyệt đối quy hoạch, phát triển đô thị có kỷ cương

Phát triển không gian và hạ tầng đô thị bám sát tinh thần Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên), Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Thư (Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 8/11/2019) và Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Vũ Thư đang triển khai. Kiên quyết quản lý đô thị bằng công cụ quy hoạch và pháp luật; chấm dứt tình trạng xây dựng tự phát, vi phạm hành lang công trình hoặc điều chỉnh quy hoạch cục bộ làm phá vỡ cấu trúc không gian đô thị thông minh – xanh – hiện đại.

2. Phát triển đô thị hiện đại gắn kết công nghiệp phụ trợ, thương mại dịch vụ và sinh thái

Đô thị hóa tại Vũ Thư kết hợp hài hòa giữa phát triển hạ tầng đô thị mới và tôn tạo, giữ gìn bản sắc các khu dân cư, làng nghề truyền thống:

Hiện đại hóa: Khai thác tối đa vị trí đô thị tiểu vùng Đông Nam tỉnh, gắn kết chặt chẽ các trục kinh tế trọng điểm (Quốc lộ 10, ĐT.463, đường Vành đai phía Nam, đường Thái Bình – Hưng Yên) cùng các khu Vũ Thư để làm đòn bẩy nâng cấp hạ tầng toàn diện.

Bảo tồn bản sắc làng nghề và hành lang xanh: Bảo đảm diện tích mặt nước, dải cây xanh cách ly và các mô hình nông nghiệp đô thị ứng dụng công nghệ cao.

3. Lấy chất lượng sống của người dân làm thước đo; hạ tầng đi trước một bước

Mục tiêu nâng cấp đô thị là phục vụ nhân dân. Tập trung nguồn lực đưa các tiện ích kỹ thuật đô thị hiện đại (mạng lưới nước sạch tập trung 100%, điện ngầm hóa tuyến chính, thoát nước và thu gom xử lý nước thải sinh hoạt, đèn LED chiếu sáng tiết kiệm điện) vào sâu trong các khu dân cư hiện hữu. Phát triển đô thị đi đôi với an sinh xã hội, giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều bền vững từ mức 0,78% (năm 2025) xuống 0% vào năm 2030; bảo đảm 100% trường học đạt chuẩn quốc gia và trên 99% người dân tham gia BHYT.

4. Khớp nối, đồng bộ toàn diện không gian sau sáp nhập

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xóa bỏ tư duy phân tán theo địa giới cũ của 06 xã, thị trấn (thị trấn Vũ Thư và các xã Hòa Bình, Minh Khai, Minh Quang, Tam Quang, Dũng Nghĩa cũ). Nhìn nhận và quản lý toàn bộ địa bàn xã Vũ Thư như một chỉnh thể đô thị thống nhất rộng 29,07 km² với quy mô dân số 44.230 người (15 thôn tổ chức chuyển thành các tổ dân phố đô thị). Tập trung xử lý dứt điểm các điểm nghẽn giao thông liên thôn, khớp nối hệ thống tiêu thoát úng nội đồng với hệ thống thoát nước đô thị và giải quyết triệt để vấn đề rác thải, bảo vệ môi trường giáp ranh.

5. Đột phá bằng công nghệ số và đa dạng hóa nguồn lực xã hội hóa

Xây dựng mô hình "Chính quyền đô thị" hiện đại dựa trên nền tảng chuyển đổi số toàn diện: 100% văn bản áp dụng ký số, 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện xử lý dịch vụ công trực tuyến, chuẩn hóa theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Quán triệt phương châm "Nhà nước và Nhân dân cùng làm, doanh nghiệp đồng hành"; phát huy nguồn thu ngân sách vững chắc (năm 2025 thu đạt 547,07 tỷ đồng, cân đối có dư) làm vốn đầu tư hạ tầng khung, đồng thời huy động nguồn lực xã hội hóa từ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và nguồn lực trong nhân dân để chỉnh trang không gian sống đô thị.

Sợi chỉ đỏ xuyên suốt: "Tận dụng lợi thế cửa ngõ liên vùng để bứt phá hạ tầng – Phát huy sức mạnh công nghiệp và làng nghề truyền thống – Xây dựng nếp sống văn minh đô thị – Ứng dụng chuyển đổi số vì chất lượng sống của nhân dân".

5.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

5.2.1. Mục tiêu tổng quát

Khắc phục các tiêu chuẩn còn yếu, còn thiếu của đô thị loại III theo Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15. Xây dựng và phát triển xã Vũ Thư chuyển đổi thành công sang mô hình chính quyền đô thị (Phường Vũ Thư trực thuộc tỉnh), trở thành hạt nhân phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ tại Vùng động lực phía Đông Nam tỉnh Hưng Yên. Khớp nối đồng bộ hạ tầng giữa các khu vực mở rộng phát triển mới và 15 thôn dân cư hiện hữu; chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, gắn phát triển kinh tế bền vững với bảo vệ môi trường sinh thái biển và an sinh xã hội.

5.2.2. Chỉ tiêu cụ thể nâng cao chất lượng đô thị

- Ban hành và áp dụng 100% Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị
- Đạt 100% diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch
- 100% trục đường liên thôn được nhựa hóa, có vỉa hè và camera giám sát
- 100% nước thải sinh hoạt khu dân cư cũ được thu gom, xử lý độc lập
- 100% nhà văn hóa Tổ dân phố đạt chuẩn đô loại III
- Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 110 triệu đồng/người/năm
- Duy trì bền vững 0% hộ nghèo và cận nghèo đa chiều.

5.3. Kế hoạch và giải pháp triển khai

a. Hoàn thiện quy hoạch, thể chế và công cụ quản lý kiến trúc đô thị

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện đồ án Đồ án Quy hoạch chung đô thị Vũ Thư trình UBND tỉnh phê duyệt theo đúng định hướng Quyết định số 579/QĐ-UBND.

Phối hợp với Sở Xây dựng lập, thẩm định và trình ban hành văn bản riêng: "Quy chế quản lý kiến trúc đô thị xã/phường Vũ Thư" độc lập, làm cơ sở cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, quản lý trật tự xây dựng, kiểm soát tầng cao, chỉ giới xây dựng và cốt nền tại 15 tổ dân phố.

Nâng cấp tổ chức bộ máy, vận hành hiệu quả Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (chuyển đổi từ Phòng Kinh tế) nhằm siết chặt kỷ cương quản lý đất đai, xây dựng và chỉnh trang đô thị.

b. Đột phá hạ tầng kỹ thuật khung và mạng lưới giao thông liên vùng

Hạ tầng liên khu vực và chỉnh trang: Triển khai dự án đường số 2 kéo dài. Cải tạo, thảm nhựa hóa đồng bộ các tuyến đường giao thông liên thôn kết nối trung tâm 03 xã cũ...).

Bến bãi đỗ xe tĩnh: Bố trí quỹ đất tại các khu đất dịch vụ thương mại, khu vực tiếp giáp ĐT.463, đường vành đai phía Nam để đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe công cộng tập trung, khắc phục tình trạng xe dừng đỗ lấn chiếm lòng lề đường.

c. Khớp nối đồng bộ hạ tầng môi trường và nâng cấp tiện ích công cộng

Thoát nước và xử lý nước thải: Khẩn trương xây dựng mạng lưới cống ngầm tách riêng hệ thống nước mưa và nước thải tại các khu vực tập trung đông dân cư; từng bước chuẩn bị đầu tư trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của đô thị đạt quy chuẩn môi trường. Tiếp tục trục vớt bèo tây, nạo vét định kỳ hệ thống kênh mương tưới tiêu để chống ngập úng mùa mưa bão.

Hạ tầng ngầm và chiếu sáng: Lắp đặt hệ thống đèn LED thông minh, tiết kiệm điện trên toàn bộ các tuyến đường cấp khu vực và nội bộ; từng bước phối hợp ngành điện ngầm hóa đường dây điện, cáp viễn thông trên các trục đường trung tâm hành chính - thương mại.

Môi trường đô thị và nghĩa trang: Duy trì tỷ lệ thu gom 100% rác thải sinh hoạt; từng bước cải tạo, khoanh vùng đóng cửa các nghĩa trang dòng họ phân tán nhỏ lẻ, hoàn thành việc nâng cấp các nghĩa trang tập trung và khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng văn minh.

d. Nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng xã hội và thiết chế công cộng

Giáo dục: Duy trì và nâng cấp các trường THCS, tiểu học, mầm non hiện trạng đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Y tế: Duy trì và nâng cấp Bệnh viện đa khoa Vũ Thư, Trạm y tế xã Vũ Thư hiện trạng đáp ứng đầy đủ tiêu chí Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã/phường, gia tăng số giường bệnh lưu trú tạm thời và khuyến khích mở rộng mạng lưới phòng khám đa khoa, chuyên khoa tư nhân trên địa bàn.

Văn hóa - Thể thao: Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và trang bị đầy đủ thiết bị âm thanh, nhà văn hóa, sân chơi thể thao cho 15 nhà văn hóa thôn/tổ dân phố. Đầu tư xây dựng quảng trường, công viên cây xanh trung tâm xã Vũ Thư.

e. Phát triển kinh tế đô thị, thu hút đầu tư công nghiệp sạch và thương mại dịch vụ

Phối hợp đẩy nhanh công tác GPMB các dự án trọng điểm để sớm bàn giao cho nhà đầu tư hạ tầng.

Hiện đại hóa hệ thống thương mại: Tiếp tục mở rộng, nâng cấp hạ tầng mạng lưới chợ truyền thống (như chợ trung tâm xã...), khuyến khích phát triển các siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi và hộ kinh doanh cá thể ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt, máy thu tiền tự động.

Nâng tầm kinh tế làng nghề gắn với du lịch trải nghiệm: duy trì và phát triển 03 sản phẩm OCOP hiện có.

5.4. Các chương trình, dự án đầu tư phát triển đô thị

5.4.1. Kế hoạch nâng cao các tiêu chuẩn còn yếu, còn thiếu của đô thị loại III

Căn cứ các nội dung rà soát, đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn tại phụ lục II Bảng 2A, 2B nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị. Tổng hợp các tiêu chí, tiêu chuẩn như sau:

1. Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá phân loại đô thị loại III:

+ Tổng số tiêu chuẩn đạt tối đa: 14 tiêu chuẩn;

+ Tổng số tiêu chuẩn đạt trung bình: 03 tiêu chuẩn;

+ Tổng số tiêu chuẩn đạt tối thiểu: 02 tiêu chuẩn;

+ Tổng số tiêu chuẩn chưa đạt: 04 tiêu chuẩn.

2. Đánh giá trình độ phát triển đô thị của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị:

+ Tổng số tiêu chuẩn đạt tối đa: 19 tiêu chuẩn;

+ Tổng số tiêu chuẩn đạt trung bình: 09 tiêu chuẩn;

+ Tổng số tiêu chuẩn đạt tối thiểu: 02 tiêu chuẩn;

+ Tổng số tiêu chuẩn chưa đạt: 07 tiêu chuẩn.

3. Định hướng và giải pháp trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo

Để hoàn thiện toàn diện hồ sơ nâng cấp đô thị loại III, địa phương tập trung triển khai các nhóm giải pháp chiến lược sau:

Chiến lược tích hợp và kết nối hạ tầng giai đoạn 2026 - 2030:

Tận dụng nguồn ngân sách điều hành đạt và vượt dự toán (năm 2025 đạt 547,06 tỷ đồng, cân đối có dư) kết hợp nguồn vốn xã hội hóa từ các doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn. Tập trung đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng khung, đưa chất lượng hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ công cộng tại 15 thôn dân cư hiện hữu tiệm cận với tiêu chuẩn đô thị hiện đại. Ưu tiên hoàn thành các công trình chuyển tiếp từ 06 xã, thị trấn cũ và huyện bàn giao.

Giải pháp 1: Hoàn thiện công cụ pháp lý và đồng bộ quy chế quản lý kiến trúc đô thị

Khẩn trương phối hợp với Sở Xây dựng hoàn thành đồ án Quy hoạch chung đô thị Vũ Thư theo đúng định hướng Quyết định số 579/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Chủ động lập, thẩm định và trình UBND tỉnh ban hành văn bản pháp lý độc lập: "Quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan và không gian đô thị phường Vũ Thư". Văn bản này quy định minh bạch về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, mật độ, cốt nền và tầng cao công trình tại 15 thôn/tổ dân phố, chấm dứt việc quản lý phụ thuộc và nâng điểm tiêu chí này lên mức tối đa (5,0/5,0 điểm).

Giải pháp 2: Giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch và đẩy mạnh phát triển công nghiệp - nhà ở đô thị

Tập trung cao độ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các dự án đang triển khai.

Thu hút đầu tư các dự án nhà ở xã hội, khu nhà ở thương mại đồng bộ hạ tầng kỹ thuật nhằm gia tăng quy mô dân số cơ học, nâng cao tỷ lệ dân số đô

thị và đưa tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với quy hoạch đạt ngưỡng 100%.

Giải pháp 3: Đột phá hạ tầng giao thông kết nối và xử lý điểm nghẽn hạ tầng kỹ thuật khung

Khẩn trương thi công hoàn thành tuyến đường số 2 kéo dài.

Từng bước nâng cấp, mở rộng và thảm nhựa các trục liên thôn, liên xã kết nối ra các tuyến tỉnh lộ huyết mạch. Quy hoạch bổ sung các bến bãi đỗ xe tĩnh tập trung phục vụ vận tải hàng hóa và dân sinh.

Giải pháp 4: Khớp nối đồng bộ hạ tầng thoát nước, xử lý môi trường và nước thải sinh hoạt

Triển khai lập dự án đầu tư trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, từng bước thi công hệ thống cống ngầm tách biệt triệt để nước mưa và nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư đông đúc.

Duy trì công tác thủy lợi, phòng chống lụt bão; tổ chức nạo vét định kỳ và vớt bèo rác trên hệ thống kênh mương tưới tiêu và tuyến sông để chống ngập úng đô thị cục bộ.

Đẩy mạnh việc đóng cửa các bãi chôn lấp, nghĩa trang dòng họ nhỏ lẻ; đồng thời phối hợp định hướng sử dụng nhà tang lễ và công trình hỏa táng liên vùng theo quy hoạch tỉnh.

Giải pháp 5: Hiện đại hóa thiết chế văn hóa - xã hội và bảo tồn làng nghề truyền thống

Nâng cấp, cải tạo toàn diện 15 nhà văn hóa thôn thành các trung tâm sinh hoạt văn hóa - thể thao đa năng của tổ dân phố sau khi lên phường.

Đầu tư cơ sở vật chất bổ sung để nâng tỷ lệ trường chuẩn quốc gia lên 100%; nâng cao năng lực khám chữa bệnh ban đầu của Trạm y tế xã.

5.4.2. Phân tích nhu cầu dự án thiết yếu nhằm xây dựng xã Vũ Thư đạt tiêu chuẩn đô thị loại III

- Việc xác định các dự án trên địa bàn xã Vũ Thư cần đảm bảo tuân thủ các quy hoạch, chương trình, dự án, kế hoạch và phù hợp điều chỉnh quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vũ Thư đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

- Đảm bảo sau khi xây dựng các dự án, điểm đô thị Vũ Thư sẽ đạt tối thiểu trên điểm tiêu chuẩn về phân loại đô thị (>75 điểm)

5.4.3. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

Đây là các dự án thuộc nhóm giải pháp ưu tiên phát triển đô thị Vũ Thư giai đoạn 2026-2030 nhằm nâng điểm trình độ phát triển đô thị từ 79,95 điểm (hiện tại) lên 100 điểm và điểm đánh giá toàn đô thị từ 83,2 điểm lên 100 điểm.

a) Dự án chiến lược:

Dự án cải tạo, nâng cấp các trục giao thông tỉnh lộ huyết mạch đi qua địa bàn: ĐT.463.

Dự án cải tạo, nâng cấp các trục giao thông huyện cũ: ĐH.01, ĐH.02, Đường số 2 kéo dài đoạn từ đường tránh S1 đến tỉnh lộ 454 thuộc địa phận xã Minh Lãng.

Dự án cầu Thẫm qua sông Kiến Giang.

Dự án nhà ở xã hội thuộc khu dân cư An Phú.

Hoàn thành giải phóng mặt bằng dự án trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế, đô thị và an sinh xã hội.

b) Dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

Đầu tư xây dựng các tuyến đường trục chính đô thị (các tuyến trục dọc, trục ngang); ngầm hóa đường dây, đường cáp.

Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các trạm bơm tưới, tiêu, cấp nguồn và các tuyến kênh, mương tưới, tiêu, cấp nguồn.

Xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và mạng lưới cống gom nước thải đô thị độc lập.

Ngầm hóa hệ thống dây điện, cáp viễn thông trên các tuyến phố thương mại trung tâm; nâng cấp mở rộng các trạm biến áp cấp điện sinh hoạt và sản xuất công nghiệp.

c. Dự án nâng cấp hạ tầng xã hội và chỉnh trang không gian

Giáo dục: Dự án chỉnh trang, nâng cấp các trường mầm non, tiểu học, THCS đảm bảo nhu cầu học tập cho con em địa phương.

Dự án chỉnh trang, nâng cấp đồng loạt 15 nhà văn hóa thôn sau sáp nhập thành các trung tâm văn hóa - thể thao tổ dân phố hiện đại.

Dự án quảng trường, công viên Hòa Bình; công viên Vũ Thư.

Đầu tư, nâng cấp các điểm chợ dân sinh, quy hoạch các dãy shophouse phố thương mại gắn với tuyến đường tỉnh ĐT.463, đường số 2 kéo dài, đường vành đai phía Nam.

5.5. Lộ trình thực hiện và nguồn vốn

Giai đoạn 2026 - 2027: Ưu tiên hoàn thiện hồ sơ pháp lý, ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị; tập trung vốn xử lý dứt điểm các tuyến đường xung đột giao thông và nâng cấp các nhà văn hóa cũ.

Giai đoạn 2028 - 2030: Hoàn thiện 100% trường học đạt chuẩn quốc gia mức 2; nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất trạm y tế và hoàn thành thiết chế văn hóa - thể thao cấp đô thị. Chuyển đổi số toàn diện công tác quản trị hành chính đô thị, phổ cập wifi công cộng, camera an ninh và giám sát trật tự giao thông.

Cơ cấu nguồn vốn: Đa dạng hóa nguồn lực theo phương thức xã hội hóa mạnh mẽ. Kết hợp hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước (đối với hạ tầng khung) và nguồn vốn đầu tư từ các tập đoàn, doanh nghiệp, cùng sự đóng góp đồng lòng của nhân dân (đối với hạ tầng dịch vụ và chỉnh trang đô thị).

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong thời gian qua, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát và đầu tư kịp thời của Trung ương, của tỉnh Hưng Yên, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Vũ Thư đã đồng lòng, tập trung huy động mọi nguồn lực để bứt phá mạnh mẽ. Địa phương đã đạt được những thành tựu toàn diện trong phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội và đẩy mạnh công tác chỉnh trang, mỹ hóa không gian đô thị. Nhờ đó, diện mạo địa phương đã chuyển dáng sang một phường nội đô văn minh, chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt.

Căn cứ hệ thống tiêu chuẩn về phân loại đô thị được quy định nghiêm túc tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/02/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị; đối chiếu với điều kiện thực tế sau sáp nhập địa giới hành chính, UBND xã Vũ Thư tổng hợp kết quả tự đánh giá như sau:

Tiêu chuẩn đánh giá toàn đô thị: Đạt 83,2/100 điểm (Quy định tối thiểu đạt 75 điểm).

Tiêu chuẩn đánh giá Trình độ phát triển: Đạt 79,95/100 điểm (Quy định tối thiểu đạt 75 điểm).

Đối chiếu với các khung pháp lý hiện hành, xã Vũ Thư đã cơ bản hoàn thành và vượt các điều kiện, tiêu chuẩn cốt lõi của một đô thị loại III trực thuộc tỉnh. Địa phương đã thiết lập đầy đủ cơ sở bệ phóng để chuyển đổi mô hình quản lý hành chính sang cấp Phường, đủ điều kiện pháp lý để trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xem xét, công nhận.

2. Kiến nghị

Để kịp thời ghi nhận những nỗ lực của địa phương, đồng thời tạo cơ chế pháp lý đồng bộ nhằm quản lý ổn định và vận hành thông suốt bộ máy hành chính mới sau sáp nhập, Ủy ban nhân dân xã Vũ Thư kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, thực hiện các nội dung sau:

Đối với Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên: Kính trình Sở Xây dựng quan tâm xem xét, chủ trì tổ chức hội đồng hội nghị thẩm định, rà soát thực tế và đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất của địa phương; sớm ban hành văn bản thẩm định chuyên môn theo quy định pháp luật.

Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên: Kính trình chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt và ban hành Quyết định công nhận xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III trực thuộc tỉnh.

Sự công nhận kịp thời của Quý cơ quan sẽ là động lực chính trị - kinh tế to lớn, cổ vũ Đảng bộ và nhân dân xã Vũ Thư tiếp tục giữ vững kỷ cương quy hoạch, nâng cao hơn nữa chất lượng đô thị sinh thái thông minh, đóng góp

tích cực vào sự phát triển thịnh vượng chung của hành lang kinh tế phía Đông Nam tỉnh Hưng Yên.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

MỤC LỤC

PHẦN I: PHẦN MỞ ĐẦU 2

1. Lý do và sự cần thiết 2
2. Căn cứ pháp lý 3
   2.1. Các căn cứ pháp lý về phân loại đô thị 3
   2.2. Các căn cứ pháp lý liên quan 4
3. Phạm vi nghiên cứu lập đề án 4

PHẦN II: NỘI DUNG ĐỀ ÁN 5

1. Khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển đô thị 5
2. Đánh giá tổng hợp về công tác triển khai đầu tư, xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt 9
   2.1. Kết quả đạt được trong công tác phát triển đô thị 9
   2.2. Đánh giá chung 19
3. Đánh giá phân loại đô thị loại III quy định tại Bảng 2A Phụ lục II của Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 20
   3.1. Căn cứ đánh giá phân loại đô thị và Phương pháp tính điểm 20
   3.2. Tổng hợp đánh giá các tiêu chí phân loại đô thị 25
   3.3. Tổng hợp đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá toàn đô thị 27
4. Đánh giá trình độ phát triển đô thị của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị 32
   4.1. Căn cứ đánh giá phân loại đô thị và Phương pháp tính điểm 32
   4.3. Tổng hợp đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trình độ phát triển đô thị 42
5. Kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị trong giai đoạn tiếp theo 47
   5.1. Quan điểm triển khai kế hoạch 47
   5.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể 48
   5.3. Kế hoạch và giải pháp triển khai 48
   5.4. Các chương trình, dự án đầu tư phát triển đô thị 50
   5.5. Lộ trình thực hiện và nguồn vốn 52

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 53

1. Kết luận 53
2. Kiến nghị 53

PHẦN IV: PHỤ LỤC BẢNG BIỂU SỐ LIỆU

UBND XÃ VŨ THƯ
CÔNG AN XÃ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Vũ Thư, ngày tháng 9 năm 2026

BIỂU 01: TỔNG HỢP DÂN SỐ, DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

TT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích (km2)	Dân số trung bình (người)	Trong đó:	
				Dân số thường trú (người)	*Dân số tạm trú đã quy đổi (người)*
1	Xã Vũ Thư	29.07	44,230	43,290	940

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

CÔNG AN XÃ

TRƯỞNG CÔNG AN XÃ

Thiếu tá Đặng Tùng Lâm

Scanned with CamScanner

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày 06 tháng 9 năm 2026

BIỂU 02: THỐNG KÊ LAO ĐỘNG VIỆC LÀM TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Tỷ lệ (%)
1	**Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế**	**Người**	**21,740**	**100.00**
1.1	*Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản*	"	3,988	18.34
1.2	*Khu vực công nghiệp - xây dựng*	"	13,493	62.07
1.3	*Khu vực dịch vụ - thương mại*	"	4,259	19.59

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

TRƯỞNG PHÒNG

Đoàn Quang Chiểu

Scanned with CamScanner

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày…….tháng…..năm 2026

BIỂU 03: TỔNG HỢP HỆ THỐNG GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN

STT	Tên đường phố	Điểm đầu	Điểm Cuối	Chiều rộng mặt đường (m)	Chỉ giới (m)	Chiều dài (m)	Diện tích (m2)
	Tổng cộng					**48.900**	**881540**
I	**Đường giao thông đối ngoại**					**9.580**	**299375**
1	Quốc lộ 10	Cầu Nhất	Cầu Tự Tân	23	31,25	2.040,00	63750
2	Quốc lộ 10	Cầu ngang S1	Cầu Đa Sô	23	31,25	2.570,00	80312,5
3	Đường tránh phía Nam thành phố	Cầu ngang S1	Ngã tư cây xăng đôi Minh Quang	27,5	31,25	3.500	109375
4	Đường tránh phía Nam thành phố	qua thôn Quý Châu		27,5	31,25	1.470	45937,5
II	**Đường tỉnh**					**1.850**	**38850**
1	Đường ĐT.463	Cầu La	Giáp phường Vũ Phúc	8	21	1.850	38850
III	**Đường giao thông trục chính đô thị** (đường chính đô thị, đường trục liên huyện, liên xã)					**37.470**	**543315**
1	ĐX.568B	Giao cắt với đường Hùng Vương	Điện lực khu vực Vũ Thư, thôn Minh Quang	7	14,5	900	13050
2	ĐX.568C	Giao cắt với đường Hoàng Công Chất	Trường Trung tâm giáo dục thường xuyên Vũ Thư	7	14,5	1.000	14500

4	ĐX.573	Giao cắt đường Quốc lộ 10	Giao cắt đường ĐX.577	7	14,5	2.900	42050
5	ĐX.573B	Giao với đường ĐX.571	Giao cắt với ĐX573	7	14,5	1.000	14500
6	ĐX.573C	Giao cắt đường Quốc lộ 10	Giao cắt đường ĐX.573	7	14,5	1.300	18850
7	ĐX.577B	Giao cắt đường ĐX.573	Đê sông Hồng	7	14,5	2.200	31900
8	ĐX.568	Giáp phường Thái Bình (Ngã 3 Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp Thái Bình)	Đê Sông Hồng, kho trung chuyển xăng dầu Thái Bình	9	14,5	6.100	88450
9	ĐX.569	Giao cắt đường Hùng Vương	Giáp với xã Thư Trì	21	14,5	2.400	34800
10	ĐX.570	Giao cắt đường Hùng Vương	Giáp với xã Thư Trì	7	14,5	3.300	47850
11	ĐX.571	Giao cắt đường Hùng Vương (Cầu La)	Giáp xã Vạn Xuân	7	14,5	5.200	75400
12	ĐX.574	Giao với đường ĐX.571	Giáp với xã Thư Trì	7	14,5	2.700	39150
13	ĐX.575	Giao cắt đường ĐX.571	Giáp xã Thư Trì	7	14,5	2.200	31900
14	ĐX.577	Giao cắt đường Quốc lộ 10	Giáp xã Thư Trì	7	14,5	3.700	53650
15	Đường Nguyễn Trãi	Cầu ngang S1	Giáp phường Vũ Phúc	10	14,5	2570	37265
IV	**Đất giao thông tĩnh** (gồm: điểm dừng xe, điểm đón trả khách, trạm thu phí giao thông, bến xe ôto, bãi đỗ xe)			Bến xe Phiệt học			

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

U.B.N.D XÃ VŨ THƯ T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ
X.VŨ THƯ T.HƯNG

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Ánh

T.HƯNG YÊN

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày 06 tháng 9 năm 2026

BIỂU 04: HIỆN TRẠNG CUNG CẤP NƯỚC SẠCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN

STT	Tên đơn vị hành chính	Tổng số hộ	Tổng số hộ được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Tỷ lệ hộ dùng nước sạch hợp vệ sinh (%)	Ghi chú
1	Thôn Hoà Bình	885	885	100	
2	Thôn Quý Châu	666	666	100	
3	Thôn Bình An	1383	1383	100	
4	Thôn Minh Quang	1004	1004	100	
5	Thôn La Uyên	1176	1117	95	
6	Thôn La Nguyễn	576	576	100	
7	Thôn Trực Nho	629	629	100	
8	Thôn Huyền Sỹ	678	678	100	
9	Thôn Khê Kiều	831	829	100	
10	Thôn Minh Khai	1058	1058	100	
11	Thôn Hồng Phong	970	970	100	
12	Thôn Dũng Thượng	629	629	100	
13	Thôn Dũng Nghĩa	1,283	1,283	100	
14	Thôn Tam Quang	1,148	1,148	100	
15	Thôn Thượng Điền	607	607	100	
	Tổng cộng	**13,523**	**13,462**		

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Anh

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày 06 tháng 9 năm 2026

BIỂU 05: TỔNG HỢP HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG

TT	Tên đường phố	Loại cống		Số bến cống thoát nước	Tổng chiều dài tuyến cống thoát nước (m)
		Cống tròn (F)	Cống hộp (B x H)		
I	**Đường trục xã**				**5,070.0**
1	Đường sau tượng đài		0,9x1,3	1	154.0
2	Đường Trục xã Minh Khai cũ		0,7x0,9	1	1,720.0
3	Đường trục xã Dũng Nghĩa cũ		0,7x0,9	1	1,300.0
4	Đường Số 1		0,9x1,3	2	576.0
5	Đường trục xã Tam Quang cũ		0,5x0,7	2	1,320.0
II	**Đường huyện**		0,4*0,5		**41,038.0**
1	Đường ĐH.01		0,9x1,3	2	5,227.0
2	Đường ĐH.01-T1		0,9x1,3	2	*977.0*
3	Đường ĐH.01-T2		0,9x1,3	2	*4,250.0*
4	Đường ĐH.09		0,7x0,9	2	3,700.0
5	Đường bờ Nam sông Kiến Giang		1,3x1,7	2	1,580.0
6	Đường ĐH.02 (đường 220C cũ)		1,1x1,5	2	4,952.0
7	Đường ĐH.02-T1		0,7x0,9	2	*1,440.0*
8	Đường ĐH.02-T2		0,7x0,9	2	*672.0*
9	Đường ĐH.02-T3		0,7x0,9	2	*2,840.0*
10	Đường ĐH.01A		0,9x1,3	2	5,310.0
11	Đường ĐH.01A-T1		0,7x0,9	2	*1,330.0*
12	Đường ĐH.01A-T2		0,7x0,9	2	*3,980.0*
13	Đường ĐH.01B		0,7x0,9	2	750.0
14	Đường Số 2		1,1x1,5	2	1,200.0
15	ĐH.11		0,9x1,3	2	2,830.0
	TỔNG CỘNG	-			**46,108.0**

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Ánh

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày.....tháng.....năm 2026

BIỂU 06: TỶ LỆ NƯỚC THẢI ĐÔ THỊ ĐƯỢC XỬ LÝ TRÊN ĐỊA BÀN

STT	Tên nhà máy	Khu vực xử lý	Công suất (m3/ngày đêm)	Ghi chú
I	**Khu vực dân cư**		0	
II	**Khu công nghiệp - Cụm công nghiệp**			
1	Cụm công nghiệp Tân Minh	Trong cụm	500 m3/ngày đêm	
2	Cụm công nghiệp Thị Trấn	Trong cụm	210 m3/ngày đêm	

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Ánh

Scanned with CamScanner

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày 06 tháng 9 năm 2026

BIỂU 07: THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN THU GOM, XỬ LÝ

TT	Tên đơn vị hành chính	Tổng lượng CTR sinh hoạt phát thải trên địa bàn (tấn/năm)	Tổng lượng CTR sinh hoạt được thu gom (tấn/năm)	Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý (tấn/năm)	Tỷ lệ triển khai phân loại CTR tại nguồn
1	Xã Vũ Thư	8,035.0	8,035	8,030	6,103.0

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Ánh

Scanned with CamScanner

UBND XÃ VŨ THƯ
VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày.....tháng.....năm 2026

BIỂU 08: SỐ LƯỢNG NHÀ TANG LỄ TRÊN ĐỊA BÀN

. NHÀ TANG LỄ

TT	Tên nhà tang lễ	Số lượng	Địa điểm	Ghi chú
1	Không có			(Nhà tang lễ trong bệnh viện đa khoa cũng được thống kê tính toán; hoặc có dự án đã có QĐ đầu tư)

. TỶ LỆ SỬ DỤNG HÌNH THỨC HỎA TÁNG

TT	Tên nhà tang lễ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số ca tử vong	Ca	119	
2	Số ca sử dụng hình thức hỏa táng	Ca	86	
	Tỷ lệ hình thức sử dụng hỏa táng	%	72.3	

liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH
Trần Thanh Hải

VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

CHÁNH VĂN PHÒNG
Phạm Hồng Ánh

Scanned with CamScanner

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày 06 tháng 9 năm 2026

BIỂU 09: TỔNG HỢP HỆ THỐNG Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Cơ sở Y tế	Số lượng	Quy mô		Địa điểm	Ghi chú
			Số giường	Diện tích (m2)		
I	**Cơ sở y tế cấp đô thị** (bệnh viện tuyến huyện trở lên, phòng khám đa khoa)	**01**	**365**			
1	Bệnh viện đa khoa Vũ Thư	01	365	31719,6	Thôn Minh Quang, Xã Vũ Thư	
II	**Trạm Y tế**	**6**	**30**			
1	Trạm chính	01	02	2040	Thôn Minh Quang, xã Vũ Thư	
2	Điểm trạm y tế Minh Quang	01	04	2567,4	Thôn La Nguyễn, xã Vũ Thư	
3	Điểm trạm Y tế Hòa Bình	01	03	700	Thôn Hoà Bình, xã Vũ Thư	
4	Điểm trạm Y tế Minh Khai	01	08	2358,9	Thôn Minh Khai, xã Vũ Thư	
5	Điểm trạm Y tế Dũng Nghĩa	01	07	850	Thôn Dũng Nghĩa, xã Vũ Thư	
6	Điểm trạm Y tế Tam Quang	01	06	1590	Thôn Tam Quang, xã Vũ Thư	

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ
CHỦ TỊCH
Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ
TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Ngọc Ánh

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày tháng 9 năm 2026

BIỂU 10: TỔNG HỢP CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN

STT	Tên cơ sở đào tạo	Diện tích (m2)	Địa điểm	Ghi chú
	CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC (bao gồm: trường mầm non, trường tiểu học, trường THCS, trường THPT)	**161,824.8**		
1	**Trung tâm chính trị xã Vũ Thư**	**4,367.8**	Thôn Bình An, xã Vũ Thư	
2	**Trường THPT Nguyễn Trãi**	**23,509.2**	Thôn Bình An, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 1 (năm 2024)
3	**Trường THPT Lạc Long Quân**	**7,640.4**	Thôn Bình An, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 1 (năm 2018)
4	**TT GDNN- GDTX Thái Bình (Phân hiệu Vũ Thư)**	**4,828.4**	Thôn Bình An, xã Vũ Thư	
5	**Trường trung học cơ sở Vũ Thư**	**42,401.1**		
	Trường chính	7,989.0	Thôn Bình An, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 2 (năm 2023)
	Phân hiệu 1	9,301.0	Thôn Hòa Bình, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 2 (năm 2025)
	Phân hiệu 2	8,603.0	Thôn La Nguyễn, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 1 (năm 2023)
	Phân hiệu 3	7,902.6	Thôn Minh Khai, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 1 (năm 2021)
	Phân hiệu 4	4,009.5	Thôn Tam Quang, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 2 (năm 2026)
	Phân hiệu 5	4,596.0	Thôn Dũng Nghĩa, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 1 (năm 2022)
6	**Trường tiểu học Vũ Thư**	**23,695.0**		
	Trường chính	7,540.0	Thôn Bình An, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 1 (năm 2022)
	Phân hiệu 1	7,825.0	Thôn Hòa Bình, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 2 (năm 2025)
	Phân hiệu 2	8,330.0	Thôn La Uyên, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 2 (năm 2022)
7	**Trường tiểu học Chu Văn An**	**20,061.3**		
	Trường chính	6,700.6	Thôn Tam Quang, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 2 (năm 2026)

Scanned with CamScanner

	Phân hiệu 1	6,020.7	Thôn Minh Khai, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 1 (năm 2022)
	Phân hiệu 2	7,340.0	Thôn Dũng Nghĩa, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 1 (năm 2022)
8	**Trường mầm non Họa My**	**21,790.8**		
	Trường chính	8,131.0	Thôn Minh Quang, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 2 (năm 2024)
	Phân hiệu 1	3,579.0	Thôn Hòa Bình, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 1 (năm 2023)
	Phân hiệu 2	10,080.8	Thôn La Nguyễn, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 2 (năm 2026)
9	**Trường mầm non Sơn Ca**	**13,530.8**		
	Trường chính	3,924.6	Thôn Tam Quang, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 1 (năm 2020)
	Phân hiệu 1	5,602.4	Thôn Minh Khai, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 1 (năm 2024)
	Phân hiệu 2	4,003.8	Thôn Dũng Nghĩa, xã Vũ Thư	Chuẩn QG mức độ 2 (năm 2024)

Số liệu tính đến 10/09/2026

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

PHÒNG VĂN HÓA XÃ HỘI

TRƯỞNG PHÒNG

Đoàn Quang Chiểu

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày 06 tháng 9 năm 2026

BIỂU 11: THỐNG KÊ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Danh mục	Số lượng	Diện tích (m2)	Địa điểm	Ghi chú
I	**CÔNG TRÌNH VĂN HÓA PHỤC VỤ CẤP ĐÔ THỊ** *(gồm: thư viện, bảo tàng, triển lãm, nhà trưng bày, nhà hát, rạp xiếc, rạp chiếu phim, nhà văn hóa, nhà thiếu nhi, trung tâm hội nghị, câu lạc bộ, công trình vui chơi giải trí, tượng đài các công trình văn hóa khác)*				
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã				
II	**CÔNG TRÌNH VĂN HÓA CẤP XÃ** *(Nhà văn hóa xã, bưu điện, điểm bưu điện xã, thư viện, hiệu sách...)*				
1	Nhà văn hóa xã	1	9918.8	Thôn Bình An	
2	Bưu điện văn hóa xã	6	1895.7		
3	Thư viện	1		Thôn Bình An	Nằm trong TTDV TH
III	**DI TÍCH LỊCH SỬ**				
1	**Di tích lịch sử cấp quốc gia**				
	Đình Dũng Thúy			Thôn Dũng Nghĩa	
2	**Di tích lịch sử cấp tỉnh**				
	Đình Vô Thái		2129,0	Thôn Dũng Nghĩa	
	Đình, chùa Dũng Thượng		2921,0	Thôn dũng Thượng	
	Miếu và Từ đường cành bính họ Nguyễn		936,4	Thôn Bình An	
	Đình, Đền Thượng Điền		1137,0	Thôn Thượng Điền	

	Miếu Ông		1238,0	Thôn Tam Quang	
	Miếu Bà		1519,4	Thôn Tam Quang	
	Đình Hội		6721,8	Thôn Minh Khai	
	Đền, chùa Phượng Vũ		1088,5	Thôn Minh Khai	
	Chùa Khê Kiều		6167,0	Thôn Khê Kiều	
	Đình La Uyên		1795.6	Thôn La Uyên	
	Đình, Miếu Huyền Sỹ		1612,4	Thôn Huyền Sỹ	

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

PHÒNG VĂN HÓA XÃ HỘI

TRƯỞNG PHÒNG

Đoàn Quang Chiểu

Scanned with CamScanner

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày……tháng…..năm 2026

BIỂU 12: THỐNG KÊ CÁC TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Hạng mục	Số lượng	Địa điểm	Diện tích (m2)	Ghi chú
I	**CÔNG TRÌNH TDTT PHỤC VỤ CẤP ĐÔ THỊ** *(bao gồm: nhà thi đấu, sân thể thao, sân vận động, trung tâm thể dục, thể thao, nhà thi đấu, bể bơi và các công trình thể thao khác: sân tennis, cầu lông, bóng đá, bóng chuyền...)*				
II	**CÔNG TRÌNH TDTT PHỤC VỤ CẤP KHU Ở** *(sân chơi, sân tập luyện,sân cầu lông, sân bóng đá mini, sân bóng chuyền hơi, nhà luyện tập thể dục thể thao cấp xã, bể bơi...)*			**75360.5**	
1	Sân thể thao Tổ dân phố	15	Thôn Minh Khai	8300	
			Thôn Khê Kiều	2997	
			Thôn Minh Quang	1523.3	
			Thôn La Nguyễn	3204.8	
			Thôn La Uyên	6961.7	
			Thôn Huyền Sỹ	6446.6	
			Thôn Trực Nho	3886.9	
			Thôn Bình An	3043.9	
			Thôn Hòa Bình	10490	
			Thôn Quý Châu	5212.5	

2	Bể bơi Thành Long	1		500	
3	Sân vận động xã	5	Thôn Minh Khai	7000	
			thôn La Nguyễn,	2000	
			thôn Tam Quang	2600	
			thôn Hòa Bình	9193.8	
			thôn Dũng Nghĩa	2000	

Số liệu tính đến ngày 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

TRƯỞNG PHÒNG

Đoàn Quang Chiểu

BIỂU 13: THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Nội dung	Diện tích đất xây dựng (m2)	Địa điểm	Đánh giá hoạt động
	CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ CẤP XÃ *(gồm: chợ, siêu thị, trung tâm thương mại và các công trình thương mại, dịch vụ khác)*			
1	Chợ Thông	10567.1	Thôn Bình An	đang hoạt động
2	Chợ Thẫm	11762.0	Thôn Minh Quang	đang hoạt động
3	Chợ La	2992.0	Thôn La Uyên	đang hoạt động
4	Chợ Ngại	2443.8	Thôn Dũng Nghĩa	đang hoạt động
5	Trung tâm thương mại	11762.0	Thôn Minh Quang	đang hoạt động
6	Siêu thị điện máy Media mart	420.0	Thôn La Uyên	đang hoạt động
7	Siêu thị Điện máy Xanh	420.0	Thôn La Uyên	đang hoạt động
8	Siêu thị Winmart	330.0	Thôn Minh Quang	đang hoạt động

liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ
X.VŨ THƯ - T.HƯNG YÊN

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Ánh

Scanned with CamScanner

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày tháng 9 năm 2026

BIỂU 14: DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Công trình	Diện tích (m2)	Địa điểm	Ghi chú
1	**Trường THPT**	**50,730.0**		
	Trường THPT Nguyễn Trãi	23,509.0	Thôn Bình An	
	Trường THPT Lạc Long Quân	7,640.0	Thôn Bình An	
	Trung tâm Giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp	14,781.0	Thôn Bình An	
	Trung tâm Giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp	4,800.0	Thôn Bình An	
2	**Trường THCS**	**40,658.8**		
	Trường THCS Vũ Thư	7,989.0	Thôn Bình An	
	Trường THCS Minh Quang	6,897.6	Thôn La Uyên	
	Trường Tiểu học và THCS Hòa Bình (Khối THCS)	9,178.5	Thôn Hòa Bình	
	Trường THCS Minh Khai	7,902.6	Thôn Minh Khai	
	Trường THCS Tam Quang	4,095.0	Thôn Tam Quang	
	Trường Tiểu học và THCS Dũng Nghĩa (Khối THCS)	4,596.1	Thôn Dũng Nghĩa	
3	**Trường tiểu học**	**37,491.8**		
	Trường Tiểu học Vũ Thư	7,540.0	Thôn Bình An	
	Trường Tiểu học Minh Quang	8,330.9	Thôn La Uyên	
	Trường Tiểu học và THCS Hòa Bình (Khối tiểu học)	7,842.8	Thôn Hòa Bình	
	Trường Tiểu học Minh Khai	1,315.1	Thôn Minh Khai	
	Trường Tiểu học Minh Khai	905.0	Thôn Khê Kiều	
	Trường Tiểu học Tam Quang	3,160.0	Thôn Tam Quang	
	Trường Tiểu học Tam Quang	1,058.0	Thôn Thượng Điền	
	Trường Tiểu học và THCS Dũng Nghĩa (Khối tiểu học)	7,340.0	Thôn Dũng Nghĩa	
4	**Trường mầm non**	**34,463.2**		
	Trường mầm non Họa My	8,131.6	Thôn Minh Quang	
	Trường mầm non Tam Quang	3,924.6	Thôn Tam Quang	
	Trường mầm non Minh Quang Khu B	3,441.7	Thôn La Nguyễn	
	Trường mầm non Minh Quang (Khu A)	6,639.1	Thôn La Nguyễn	
	Trường mầm non Hòa Bình	2,720.0	Thôn Hòa Bình	
	Trường mầm non Dũng Nghĩa	4,003.8	Thôn Dũng Nghĩa	
	Trường mầm non Minh Khai, thôn Hội	4,287.3	Thôn Minh Khai	
	Trường mầm non Minh Khai, thôn Khê Kiều	1,315.1	Thôn Khê Kiều	
5	**Trạm y tế**	**9,431.9**		
	Trạm y tế xã Vũ Thư	1,976.5	Trung tâm y tế huyện Vũ Thư cũ	
	Trạm Y tế Vũ Thư	547.0		
	Trạm Y tế Tam Quang	1,590.0	Thôn Tam Quang	
	Trạm Y tế Dũng Nghĩa	881.9	Thôn Dũng Nghĩa	
	Trạm Y tế Minh Quang	2,658.0	Thôn La Nguyễn	
	Trạm Y tế Hòa Bình	700.0	Thôn Hòa Bình	
	Trạm Y tế Minh Khai	3,055.0		
6	**Nhà văn hóa xã, bưu điện xã**	**11,814.5**		
6.1	***Bưu điện***	***1,895.7***		
	Bưu điện Vũ Thư	737.0	Thôn Minh Quang	
	Bưu điện Dũng Nghĩa	188.5	Thôn Dũng Nghĩa	
	Bưu điện Tam Quang	304.8	Thôn Tam Quang	
	Bưu điện Minh Khai	317.5	Thôn Minh Khai	
	Bưu điện Minh Quang	140.9	Thôn La Uyên	
	Bưu điện Hòa Bình	207.0	thôn Hòa Bình	

Scanned with CamScanner

6.2	***Nhà văn hóa xã***	***9,918.8***	Trung tâm DVTH xã tại thôn Bình An	
7	**Công trình thể thao cấp xã (sân chơi, sân tập luyện, sân cầu lông, sân bóng mini, sân bóng chuyền hơi...)**	**24,793.6**		
	Sân vận động Tam Quang	2,755.2	Thôn Tam Quang	
	Sân vận động Minh Khai	6,000.0	Thôn Minh Khai	
	Sân vận động Hòa Bình	9,193.9	Thôn Hòa Bình	
	Sân vận động Minh Quang	6,844.5	Thôn La Uyên	
	Tổng cộng	**209,383.8**		

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Ánh

Scanned with CamScanner

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày tháng năm 2026

BIỂU 15: HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT KHU VỰC XÃ VŨ THƯ

TT	Công trình	Ký hiệu	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		**2906.63**	**100.00**
I	**Đất nông nghiệp**		**1822.12**	**62.69**
II	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**1,081.28**	**37.20**
1	**Đất ở**	**OTC**	**286.71**	**9.86**
	Đất ở tại nông thôn	ONT	258.86	
	Đất ở tại đô thị	ODT	27.85	
2	**Đất xây dựng trụ sở cơ quan**	**TSC**	**11.92**	**0.41**
3	**Đất quốc phòng, an ninh**	**CQP**	**5.33**	**0.18**
3.1	Đất quốc phòng	CQA	3.7	
3.2	Đất an ninh	CAN	1.63	
4	**Đất xây dựng công trình sự nghiệp**	**DSN**	**45.24**	**1.56**
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1.29	
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0.5	
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4.14	
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	17.86	
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	7.48	
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	9.92	
4.7	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	4.05	
5	**Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp**	**CSK**	**128.27**	**4.41**
5.1	Đất cụm công nghiệp	SCC	59.96	
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	16.5	
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	43.75	
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	8.06	
6	**Đất sử dụng vào mục đích công cộng**	**CCC**	**473.58**	**16.29**
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	308.72	
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	143.26	
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0.52	
6.4	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	5.48	
6.5	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công	DNL	5.99	
6.6	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0.35	
6.7	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	1.86	
6.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh	DKV	7.38	
7	**Đất tôn giáo**	**TON**	**9.12**	**0.31**
8	**Đất tín ngưỡng**	**TIN**	**6.31**	**0.22**

Scanned with CamScanner

9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa	NTD	55.79	1.92
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	59	2.03
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0.01	0.00
III	Đất chưa sử dụng	CSD	3.25	0.11

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Ánh

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày tháng năm 2026

BIỂU 16: TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN ĐÔ THỊ

I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ - THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Ghi chú
1	Thu nhập bình quân đầu người (làm tròn)	Triệu đồng/người/năm	79.7	
2	Tỷ lệ tăng dân số	%	1.10	
3	Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước	%	1.44	

II. CƠ CẤU CÁC NGÀNH KINH TẾ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	**Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm**	**%**			
2	**Tốc độ tăng trưởng các ngành kinh tế**	**%**	**8.7**	**9**	**10.1**
2.1	*Dịch vụ*	*%*	*7.3*	*7.1*	*7.5*
2.2	*CN + XD*	*%*	*10.9*	*11.7*	*12.9*
2.3	*Nông, Lâm, Ngư nghiệp*	*%*	*2.6*	*1.7*	*2.7*
3	**Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn (giá so sánh)**	**tỷ đồng**	**2,579.7**	**2,813.0**	**3,098.4**
4	**Giá trị sản xuất các ngành kinh tế (theo giá hiện hành)**	**tỷ đồng**	**3,779.9**	**4,297.5**	**4,890.0**
4.1	*Dịch vụ*	*"*	*1,132.0*	*1,286.3*	*1,467.1*
4.2	*CN + XD*	*"*	*2,121.0*	*2,458.1*	*2,834.1*
4.3	*Nông, Lâm, Ngư nghiệp*	*"*	*526.9*	*553.1*	*588.8*

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Ánh

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày tháng năm 2026

BIỂU 17: TỔNG HỢP HỘ NGHÈO ĐA CHIỀU TRÊN ĐỊA BÀN GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

TT	Tên xã, phường	Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
		Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)
1	Xã Vũ Thư	13,278	224	1.69	13,258	200	1.51	13,186	176	1.33

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Ánh

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày……tháng…..năm 2026

BIỂU 18: THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CÂY XANH TRÊN ĐỊA BÀN

TT	KHU VỰC	Địa điểm	Diện tích (m2)	Ghi chú
I	**Đất cây xanh sử dụng công cộng** (gồm đất công viên, vườn hoa, sân chơi đảm bảo tiếp cận người dân)		**625.136**	
1	Cụm dân cư 5,4 ha	Bình An	2.869	
2	Khu đất 5% cạnh bệnh viện	Minh Quang	1.463	
3	Khu dân cư cửa toà án	Minh Quang	244	
4	Dân cư thôn huyền sỹ	Huyền Sỹ	12.210	
5	Cụm dân cư phía Bắc 220B	Bình An	11.800	
6	Quảng trường minh quang	La Nguyễn	9.753	
7	Vườn vải trực nho	Trực Nho	7.298	
8	Chợ thẫm cũ		125	
9	Nhà văn hoá huyện	Bình An	1.600	
10	Các sân thể thao của 15 thôn		13.262	
11	Các tuyến đường QL, đt, đh		489.000	
12	Các tuyến đường trục xã, thôn, nhánh cấp 1		53.602	
13	Vỉa hè các khu dân cư		21.910	
II	**Đất cây xanh sử dụng hạn chế** (bao gồm đất cây xanh trồng trong khuôn viên các công trình; công viên chuyên đề do tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng)		**85.207**	
1	Đất cây xanh trong khuôn viên các công trình: Công trình văn hóa, thể dục thể thao, y tế, thương mại, cơ quan hành chính		85.207	
2	Đất cây xanh trong khuôn viên công trình văn hóa		6.715	
3	Đất cây xanh trong khuôn viên công trình TDTT		3.136	
4	Đất cây xanh trong khuôn viên công trình Y tế		6.584	
5	Đất cây xanh trong khuôn viên công trình Thương mại		16.885	

6	Đất cây xanh trong khuôn viên công trình cơ quan hành chính		51.874	
7	Đất cây xanh cách ly trong các khu, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp		13,93	
8	Đất công viên chuyên đề do tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng			
III	**Cây xanh chuyên dụng** (bao gồm: đất cây xanh trong vườn ươm, đất cây xanh phục vụ nghiên cứu, đất cây xanh cách ly)			
	Tổng cộng		**710.343**	

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Ánh

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày.....tháng.....năm 2026

BIỂU 19: TỶ LỆ NGẦM HÓA ĐƯỜNG DÂY, ĐƯỜNG CÁP TRÊN TUYẾN PHỐ

STT	Tên đường phố	Chiều dài (m)	Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp	Ghi chú
	Tổng cộng	**48,900**		
I	**Đường giao thông đối ngoại**	**9,580**		
1	Quốc lộ 10 (từ Cầu Nhất đến Cầu	2,040.00		
2	Quốc lộ 10 (từ Cầu ngang S1 đến Cầu Đa Sô)	2,570.00	1,520	
3	Đường tránh phía Nam thành phố (từ Cầu ngang S1 đến Ngã tư cây xăng đôi Minh Quang)	3,500		
4	Đường tránh phía Nam thành phố	1,470		
II	**Đường tỉnh**	**1,850**		
1	Đường ĐT.463	1,850		
III	**Đường giao thông trục chính đô**	**37,470**		
1	ĐX.568B	900		
2	ĐX.568C	1000		
4	ĐX.573	2900		
5	ĐX.573B	1000		
6	ĐX.573C	1300		
7	ĐX.577B	2200		
8	ĐX.568	6100	750	
9	ĐX.569	2400		
10	ĐX.570	3300		
11	ĐX.571	5200		
12	ĐX.574	2700		
13	ĐX.575	2200		
14	ĐX.577	3700		
15	Đường Nguyễn Trãi	2570	2,570	

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ
X.VŨ THƯ - T.HƯNG YÊN

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Ánh

Scanned with CamScanner

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Vũ Thư, ngày.....tháng.....năm 2026

BIỂU 21: DỰ ÁN TRIỂN KHAI PHÒNG CHỐNG NGẬP ÚNG ĐÔ THỊ

STT	Các khu vực ngập úng	Biện pháp xử lý	Ghi chú
1	Khu dân cư Minh Tân	Cải tạo đường kết hợp cống thoát nước	

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Ánh

Scanned with CamScanner

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HƯNG YÊN
ĐIỆN LỰC VŨ THƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Vũ Thư, ngày11 tháng 9 năm 2026

BIỂU 22: TỔNG SẢN LƯỢNG ĐIỆN TIÊU THỤ TRÊN ĐỊA BÀN

STT	Danh mục	Điện năng tiêu thụ (KW.h/năm)	Ghi chú
1	Điện sinh hoạt khu vực dân cư	139,212,550	
2	Khu vực cơ quan tổ chức	1,824,479	
3	Chiếu sáng công cộng	2,477,012	
	Tổng cộng	**143,514,041**	

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

ĐIỆN LỰC VŨ THƯ

ĐIỆN LỰC VŨ THƯ - CÔNG TY ĐIỆN LỰC HƯNG YÊN

TRƯỞNG ĐIỆN LỰC

HOÀNG MẠNH CƯỜNG

Scanned with CamScanner

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày.....tháng.....năm 2026

BIỂU 23: DANH MỤC CÁC TUYẾN PHỐ ĐƯỢC CHIẾU SÁNG TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Tên đường	Tổng chiều dài (m)	Tổng chiều dài tuyến đường được chiếu sáng (m)	Ghi chú
1	Đường ĐH.01	5227	5227	
2	Đường ĐH.01-T1	977	977	
3	đường ĐH.01-T2	4250	4250	
4	Đường ĐH.09	3700	3700	
5	Đường bờ Nam sông Kiến Giang (ĐƯỜNG 10B)	1580	1580	
6	Đường ĐH.02 (đường 220C cũ)	4952	4952	
7	Đường ĐH.02-T1	1440	1440	
8	Đường ĐH.02-T2	672	672	
9	Đường ĐH.02-T3	2840	2840	
10	Đường ĐH.01A	5,310	5,310	
11	Đường ĐH.01A-T1	1,330	1,330	
12	đường ĐH.01A-T2	3,980	3,980	
13	Đường ĐH.01B	750	750	
14	Đường Số 2	1,200	1,200	
15	ĐH 11	2,830	2,830	
16	Đường sau tượng đài	154	154	
17	Đường Trục xã Minh Khai cũ	1,720	1,720	
18	Đường trục xã Dũng Nghĩa cũ	1,300	1,300	
19	Tuyến 2 Vô Thái	650	650	
20	Đường Số 1	576	576	
21	Đường Nội bộ số 3	597	597	
22	Đường cạnh Bảo Hiểm Minh Hưng	95	95	
23	Trục xã Tam Quang cũ	1,320	1,320	
	Tổng cộng	**47,450**	**47,450**	

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Ánh

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày.....tháng.....năm 2026

BIỂU 24: DANH MỤC CHIẾU SÁNG NGÕ, NGÁCH, HẺM

STT	Tên đơn vị hành chính	Tổng chiều dài ngõ, ngách, hẻm (m)	Tổng chiều dài ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng (m)	Ghi chú
1	Thôn Thống Nhất	1,008.00	1,008.00	
2	Thôn Quyết Thắng	160.0	160.0	
3	Thôn Liên Thắng	386.0	386.0	
4	Thôn Thắng Lợi	137.0	137.0	
5	Thôn Tây Hồ	267.0	267.0	
6	Thôn Ngũ Lão	1,052.0	1,052.0	
7	Thôn Trung Hồng	1122	1122	
8	Thôn Lộc Quý	1150	1150	
9	Đường trục thôn xóm 18 Khê Kiều	514	514	
10	Đường trục xóm 16-17 Khê Kiều	604	604	
11	Đường trục thôn xóm 14 Khê Kiều	443	443	
12	Đường trục thôn xóm 13 Khê Kiều	202	202	
13	Đường chùa Phượng Vũ thôn Thọ Lộc	1250	1250	
14	Đường trục thôn cửa đình Thọ Lộc	420	420	
15	Đường trục thôn xóm 7-8 thôn Hội	453	453	
16	Đường trục thôn sau làng thôn Nội	720	720	
17	Đường Trục thôn Nội đồng thôn Nội	610	610	
18	Đường trục thôn Nguyệt Lãng -Hòa Bình	2200	2200	
19	Đường vào thôn Nguyệt Lãng	874	874	
20	Tuyến 1 Dũng Thượng	398	398	
21	Tuyến 2 Dũng Thượng	609	609	
22	Tuyến Vô Thái	600	600	
23	Tuyến Trà Động	600	600	
24	Tuyến 1 Dũng Thúy Hạ	1750	1750	
25	Tuyến 2 Dũng Thúy Hạ	1420	1420	
26	Đường dân nguyện Minh Hòa	260	260	
27	Đường trạm điện Trung Hưng	200	200	
28	Đường trục thôn Trung Hưng	412	412	
29	Đường trục thôn Hùng Tiến	645	645	
30	Thôn Hòa Bình	961	961	
31	Thôn Thượng Điền	775	775	

Scanned with CamScanner

32	Thôn Nghĩa Khê	669	669	
33	Thôn Trực Nho	625	625	
34	Tuyến 1 thôn Huyền Sỹ	1100	1100	
35	Tuyến 2 thôn huyền sỹ	532	532	
36	Thôn La Nguyễn	232	232	
37	Thôn La Uyên	231	231	
38	Thôn Minh Quàn	460	460	
	Tổng	**26,051.0**	**26,051.0**	

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Ánh

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày……tháng…..năm 2026

BIỂU 25: TỶ LỆ ĐƯỜNG CÓ ỨNG DỤNG CHIẾU SÁNG SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO, TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG, CHIẾU SÁNG THÔNG MINH

STT	Tên đường phố	Chiều dài (m)	Tỷ lệ đường có ứng dụng chiếu sang sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh	Ghi chú
1	Đường ĐH 01 A	2500	100%	
2	Đường trục thôn Huyền Sỹ	1500	100%	
3	Đường nhánh thôn Huyền Sỹ	800	100%	
4	Đường trục thôn Trực Nho	600	100%	
5	Đường nhánh thôn Trực Nho	1300	100%	
6	Đường trục thôn La Uyên	1500	100%	
7	Đường nhánh thôn La Uyên	2000	100%	
8	Đường trục thôn La Nguyễn	1000		
9	Đường nhánh thôn La Nguyễn	800	100%	
10	Đường thôn Minh Quàn cũ nay là Minh Quang	900	100%	
11	Đường trục xã Dũng Nghĩa cũ	650	80%	
12	Đường trục thôn Dũng Nghĩa (đoàn bờ sông Búng)	1000	50%	

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH
Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ

TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Ngọc Ánh

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày.....tháng.....năm 2026

BIỂU 26: TỔNG HỢP SỐ LIỆU VIỄN THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN

STT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ gia đình	Hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định	Tỷ lệ (%)
	Xã Vũ Thư	13,176	11,562	87.75

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

TRƯỞNG PHÒNG

Đoàn Quang Chiểu

Scanned with CamScanner

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày tháng năm 2026

BIỂU 27: THỐNG KÊ NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Tên phường, xã	Tổng số hộ dân cư	Năm 2025		
			Tổng số hộ có nhà ở kiên cố	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố (%)	Tổng diện tích sàn (m2)
	Xã Vũ Thư	13,176	13,137	99.70%	1,424,206

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Ánh

Scanned with CamScanner

UBND XÃ VŨ THƯ
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày.....tháng.....năm 2026

BIỂU 28: DANH SÁCH TUYẾN PHỐ VĂN MINH TRÊN ĐỊA BÀN

STT	Tên tuyến phố	Năm công nhận	Ghi chú
1	Phố Thẫm (đường QL 10, đường 10B)	2023	Khu Trung tâm xã
2	Phố La (đường Quốc lộ 10 + đường 10 B+đường 463+ đường ĐH 02	2023	Thôn Minh Quang, thôn Bình An
3	Khu Phố Nguyễn Trãi (đường 463 + ĐH02)	2023	Thôn Bình An
4	Khu phố Khê Kiều (đường 463)	2023	Thôn Khê Kiều
5	Khu Phố Thượng Điền (đường Quốc lộ 10)	2023	Thôn Thượng Điền
6	Khu phố Tam Quang	2023	Thôn Tam Quang
7	Khu Phố Dũng Nghĩa (đường Song lập)	2023	Thôn Dũng Nghĩa
8	Khu Phố Minh Khai (đường ĐH 01)	2023	Thôn Minh Khai
9	Khu phố Huyền Sỹ (đường trục thôn)	2023	Thôn Huyền Sỹ
10	Khu phố La Nguyễn (đường ĐH01 A+ đường tránh QL 10)	2023	Thôn La Nguyễn
11	Khu Phố (Ngã Tư Quán) đường 463+ đường Song Lập)	2023	Thôn Dũng Thượng
12	Khu đô Thị phía Bắc đường 463 (đường 463	2023	Thôn Bình An
13	Khu Đô Thị 39 + 37 lô đường ĐH 02, đường số 2	2023	Thôn Minh Quang
14	Khu đô thị 5,4 ha Đường ĐH 02	2023	Thôn Minh Quang,
	Tổng số tuyến đường chính: 14 tuyến		

liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ
CHỦ TỊCH
Trần Thanh Hải

PHÒNG KINH TẾ
TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Ngọc Ánh

Scanned with CamScanner

UBND XÃ VŨ THƯ
TRUNG TÂM PVHCC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Vũ Thư, ngày tháng năm 2026

BIỂU 29: TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ DỊCH VỤ CÔNG, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số hồ sơ dịch vụ công trực tuyến	7,553	
2	Tổng số hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	3,036	

Số liệu tính đến 31/12/2025

UBND XÃ VŨ THƯ

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hải

TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

GIÁM ĐỐC

Bùi Ngọc Toàn

Scanned with CamScanner

PHẦN V: PHỤ LỤC BẢN VẼ

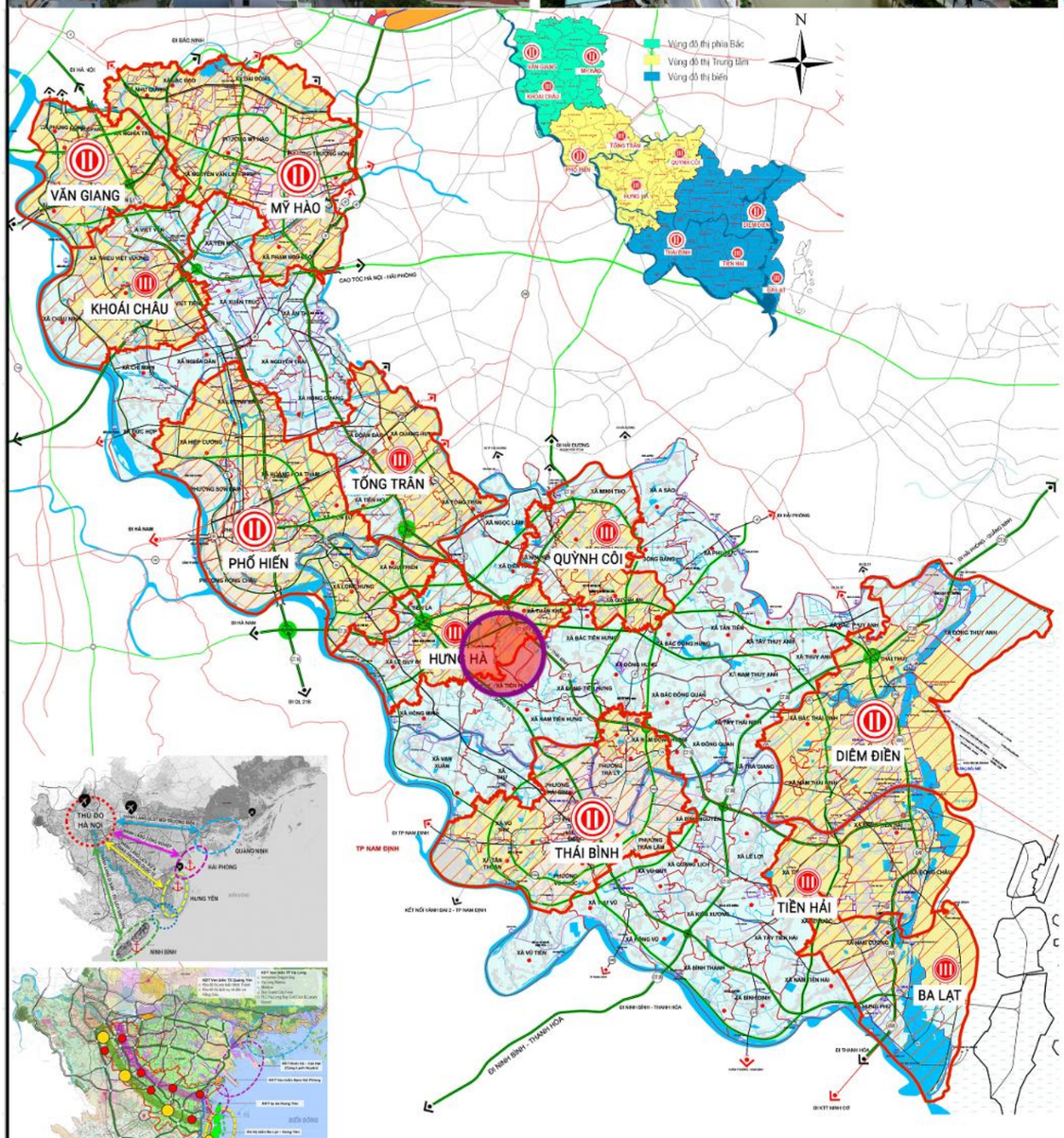
Scanned with CamScanner

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VŨ THƯ, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

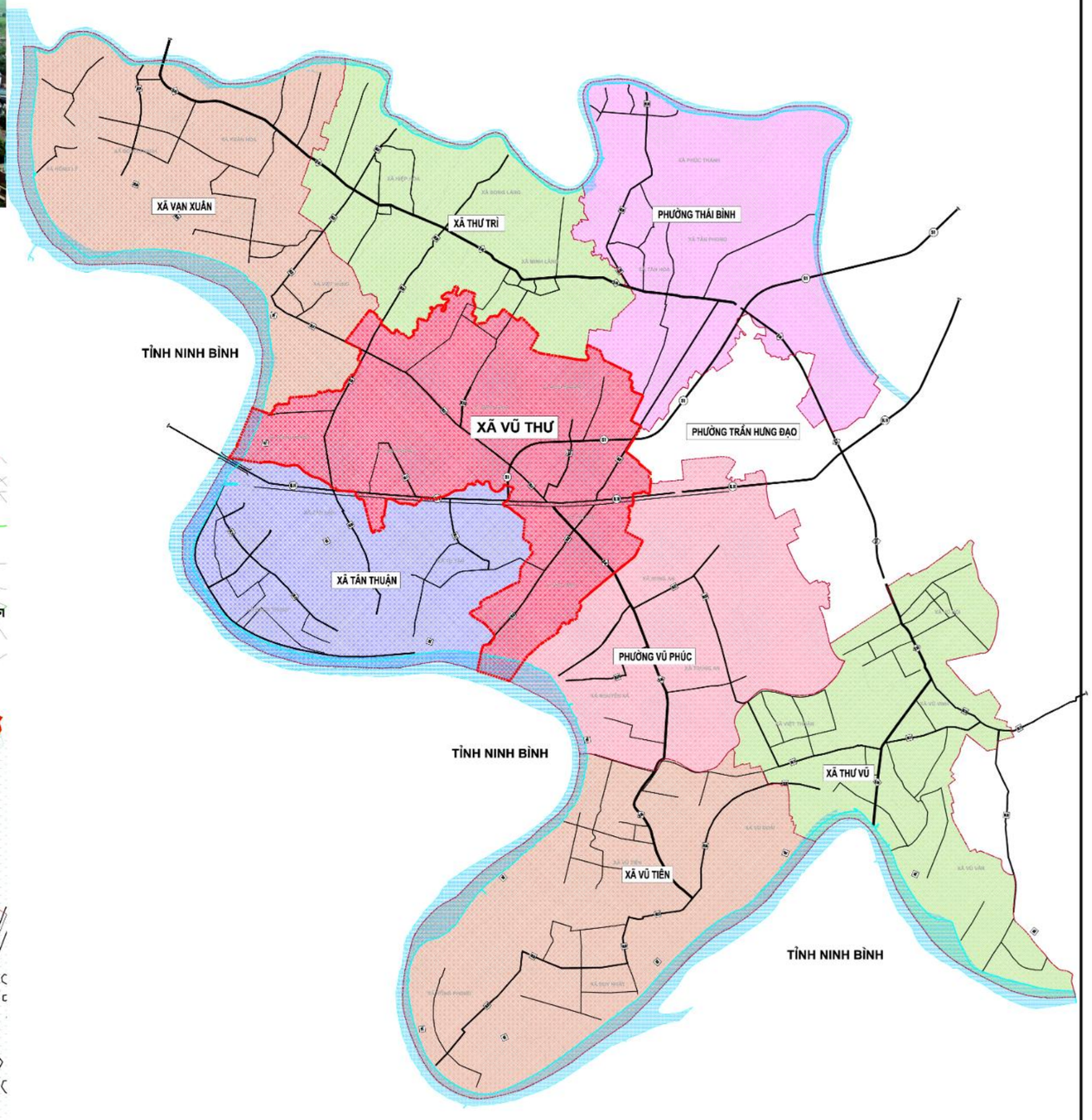
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ MỐI LIÊN HỆ VÙNG







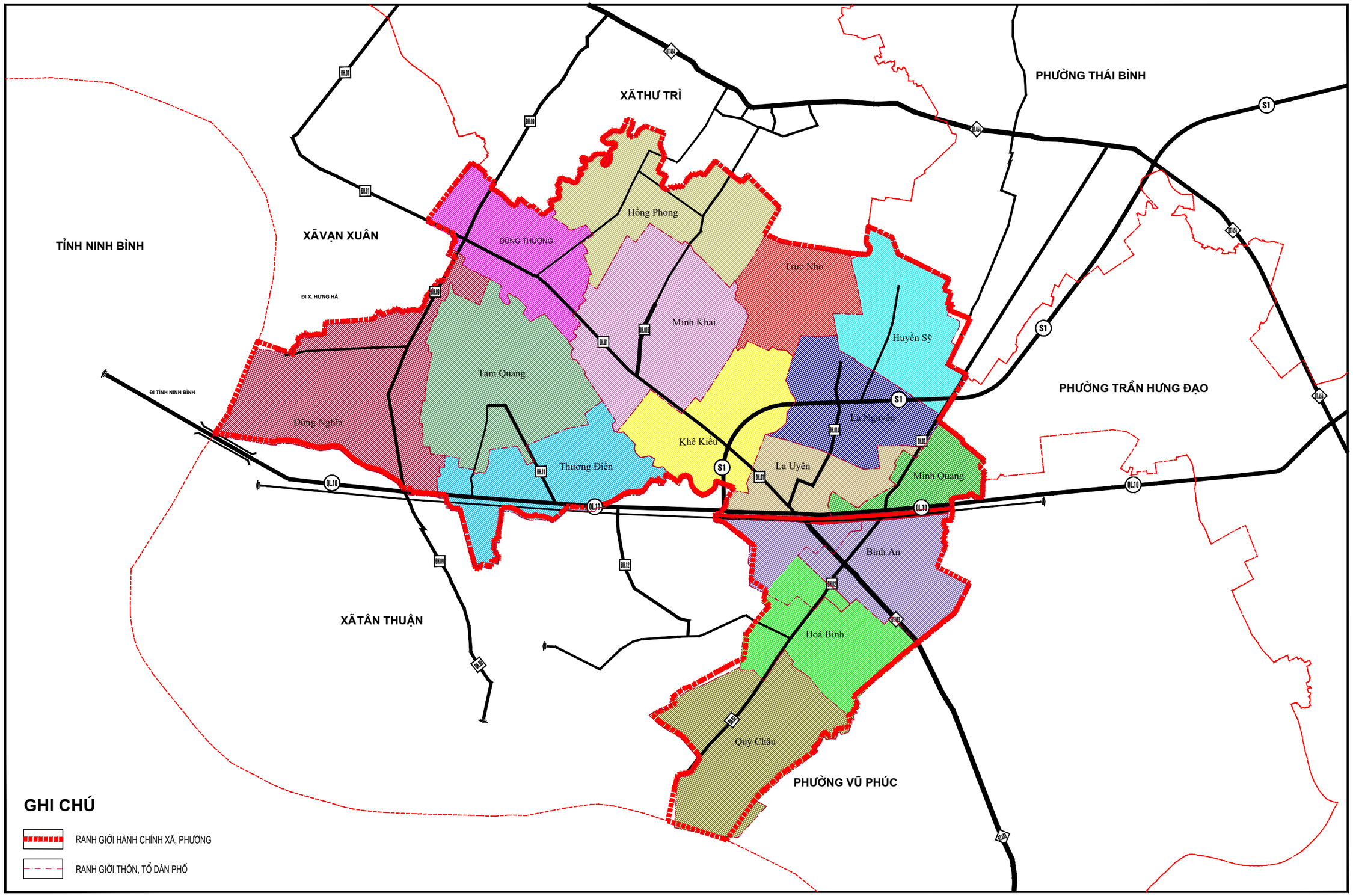
VỊ TRÍ XÃ VŨ THƯ TRONG TỈNH HƯNG YÊN



VỊ TRÍ XÃ VŨ THƯ TRONG KHU VỰC PHÍA ĐÔNG NAM TỈNH

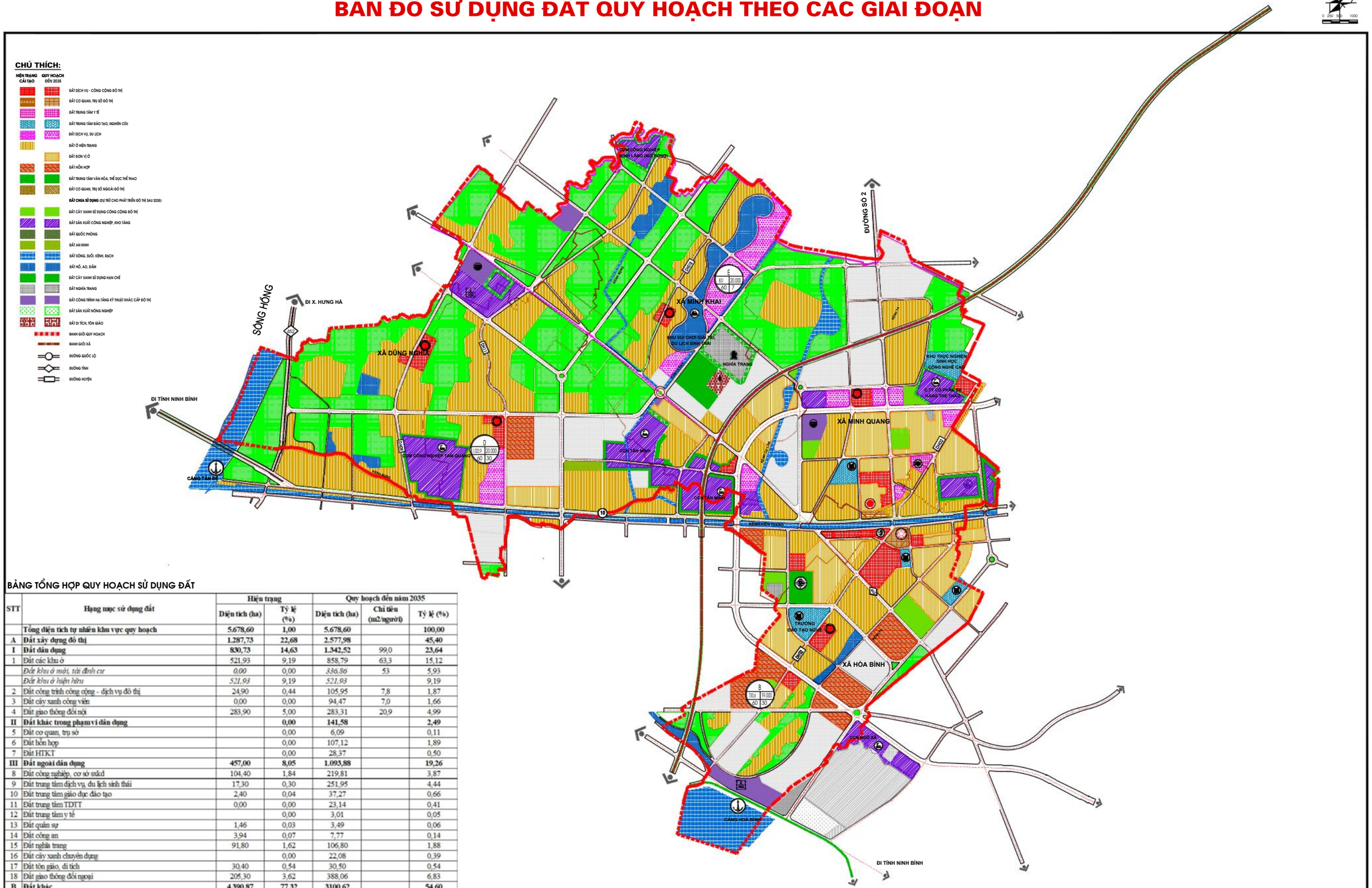
ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VŨ THƯ, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

SƠ ĐỒ PHẠM VI RANH GIỚI TOÀN ĐÔ THỊ VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRỰC THUỘC



ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VŨ THƯ, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BẢN ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH THEO CÁC GIAI ĐOẠN



BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Hạng mục sử dụng đất	Hiện trạng		Quy hoạch đến năm 2035		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m2/người)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên khu vực quy hoạch	**5.678,60**	**1,00**	**5.678,60**		**100,00**
A	**Đất xây dựng đô thị**	**1.287,73**	**22,68**	**2.577,98**		**45,40**
I	**Đất dân dụng**	**830,73**	**14,63**	**1.342,52**	99,0	**23,64**
1	Đất các khu ở	521,93	9,19	858,79	63,3	15,12
	Đất khu ở mới, tái định cư	*0,00*	0,00	*336,86*	53	5,93
	Đất khu ở hiện hữu	*521,93*	9,19	*521,93*		9,19
2	Đất công trình công cộng - dịch vụ đô thị	24,90	0,44	105,95	7,8	1,87
3	Đất cây xanh công viên	0,00	0,00	94,47	7,0	1,66
4	Đất giao thông đối nội	283,90	5,00	283,31	20,9	4,99
II	**Đất khác trong phạm vi dân dụng**		**0,00**	**141,58**		**2,49**
5	Đất cơ quan, trụ sở		0,00	6,09		0,11
6	Đất hỗn hợp		0,00	107,12		1,89
7	Đất HTKT		0,00	28,37		0,50
III	**Đất ngoài dân dụng**	**457,00**	**8,05**	**1.093,88**		**19,26**
8	Đất công nghiệp, cơ sở sxkd	104,40	1,84	219,81		3,87
9	Đất trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái	17,30	0,30	251,95		4,44
10	Đất trung tâm giáo dục đào tạo	2,40	0,04	37,27		0,66
11	Đất trung tâm TDTT	0,00	0,00	23,14		0,41
12	Đất trung tâm y tế		0,00	3,01		0,05
13	Đất quân sự	1,46	0,03	3,49		0,06
14	Đất công an	3,94	0,07	7,77		0,14
15	Đất nghĩa trang	91,80	1,62	106,80		1,88
16	Đất cây xanh chuyên dụng		0,00	22,08		0,39
17	Đất tôn giáo, di tích	30,40	0,54	30,50		0,54
18	Đất giao thông đối ngoại	205,30	3,62	388,06		6,83
B	**Đất khác**	**4.390,87**	**77,32**	**3100,62**		**54,60**
19	Đất nông nghiệp	3.743,10	65,92	2013,06		35,45
20	Đất chưa sử dụng (Dự trữ cho phát triển) (Vẫn khai thác nông nghiệp khi chưa tiếp nhận dự án)	18,80	0,33	366,33		6,45
21	Mặt nước (sông, kênh mương chính), đất khác	628,97	11,08	721,23		12,70

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VŨ THƯ, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

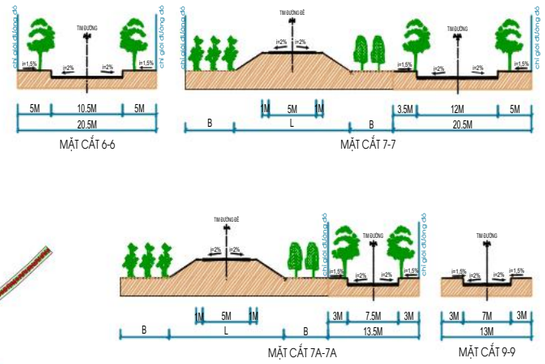
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG

CHÚ THÍCH:

HIỆN TRẠNG CẢI TẠO | QUY HOẠCH ĐẾN 2035

- ĐẤT DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ
- ĐẤT CƠ QUAN, TRỤ SỞ ĐÔ THỊ
- ĐẤT TRUNG TÂM Y TẾ
- ĐẤT TRUNG TÂM ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU
- ĐẤT DỊCH VỤ, DU LỊCH
- ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG
- ĐẤT ĐƠN VỊ Ở
- ĐẤT HỖN HỢP
- ĐẤT TRUNG TÂM VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO
- ĐẤT CƠ QUAN, TRỤ SỞ NGOÀI ĐÔ THỊ
- **ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG** (DỰ TRỮ CHO PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SAU 2035)
- ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ
- ĐẤT SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, KHO TÀNG
- ĐẤT QUỐC PHÒNG
- ĐẤT AN NINH
- ĐẤT SÔNG, SUỐI, KÊNH, RẠCH
- ĐẤT HỒ, AO, ĐẦM
- ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG HẠN CHẾ
- ĐẤT NGHĨA TRANG
- ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC CẤP ĐÔ THỊ
- ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
- ĐẤT DI TÍCH, TÔN GIÁO
- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- RANH GIỚI XÃ
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG TỈNH
- ĐƯỜNG HUYỆN



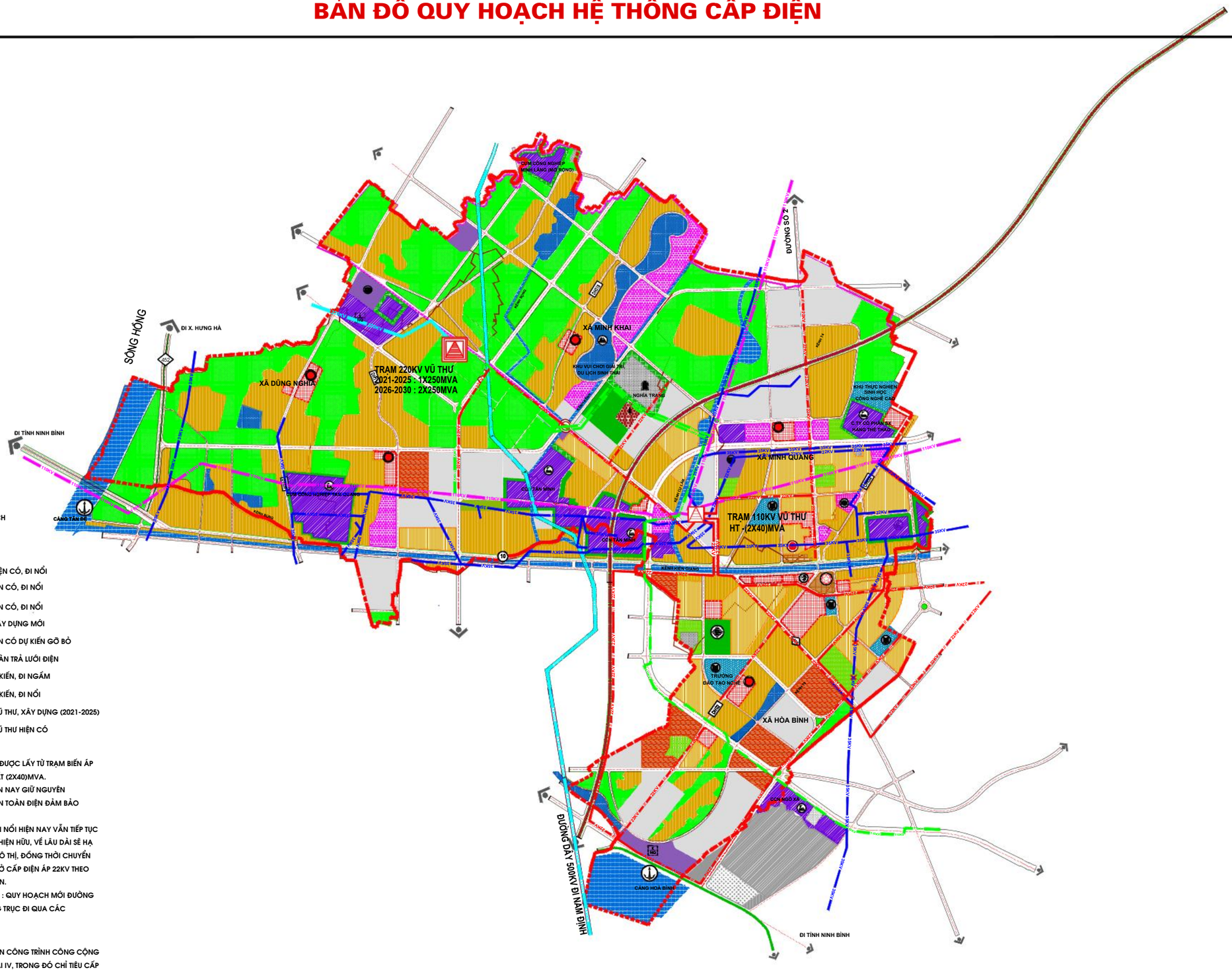


BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG GIAO THÔNG



ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VŨ THƯ, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN



KÍ HIỆU:

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- ĐƯỜNG ĐIỆN 500KV
- ĐƯỜNG ĐIỆN 220KV
- ĐƯỜNG ĐIỆN 110KV HIỆN CÓ, ĐI NỔI
- ĐƯỜNG ĐIỆN 35KV HIỆN CÓ, ĐI NỔI
- ĐƯỜNG ĐIỆN 22KV HIỆN CÓ, ĐI NỔI
- ĐƯỜNG ĐIỆN 110KV XÂY DỰNG MỚI
- ĐƯỜNG ĐIỆN 35KV HIỆN CÓ DỰ KIẾN GỠ BỎ
- ĐƯỜNG ĐIỆN 35KV HOÀN TRẢ LƯỚI ĐIỆN
- ĐƯỜNG ĐIỆN 22KV DỰ KIẾN, ĐI NGẦM
- ĐƯỜNG ĐIỆN 22KV DỰ KIẾN, ĐI NỔI
- TRẠM BIẾN ÁP 220KV VŨ THƯ, XÂY DỰNG (2021-2025)
- TRẠM BIẾN ÁP 110KV VŨ THƯ HIỆN CÓ

ĐỊNH HƯỚNG LƯỚI ĐIỆN

- NGUỒN CẤP ĐIỆN CHO QUY HOẠCH ĐƯỢC LẤY TỪ TRẠM BIẾN ÁP 110KV VŨ THƯ HIỆN CÓ, CÓ CÔNG SUẤT (2X40)MVA.
- LƯỚI ĐIỆN CAO THẾ 110KV ĐI NỔI HIỆN NAY GIỮ NGUYÊN VÀ QUY HOẠCH THÀNH HÀNH LANG AN TOÀN ĐIỆN ĐẢM BẢO QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH.
- LƯỚI ĐIỆN TRUNG ÁP 35KV VÀ 22KV ĐI NỔI HIỆN NAY VẪN TIẾP TỤC SỬ DỤNG CHO CÁC KHU VỰC DÂN CƯ HIỆN HỮU, VỀ LÂU DÀI SẼ HẠ NGẦM TẠI CÁC KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, ĐỒNG THỜI CHUYỂN ĐỔI LƯỚI ĐIỆN 35KV SANG VẬN HÀNH Ở CẤP ĐIỆN ÁP 22KV THEO ĐỊNH HƯỚNG CHUNG CỦA NGÀNH ĐIỆN.
- LƯỚI ĐIỆN VÀ TRẠM QUY HOẠCH MỚI : QUY HOẠCH MỚI ĐƯỜNG DÂY 22KV ĐI NGẦM THEO CÁC ĐƯỜNG TRỤC ĐI QUA CÁC KHU ĐÔ THỊ MỚI

CHỈ TIÊU CẤP ĐIỆN:

CHỈ TIÊU CẤP ĐIỆN SINH HOẠT, CẤP ĐIỆN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN CHO ĐÔ THỊ LOẠI IV, TRONG ĐÓ CHỈ TIÊU CẤP ĐIỆN CÔNG CỘNG ĐƯỢC TÍNH THEO PHẦN TRĂM CHỈ TIÊU CẤP ĐIỆN SINH HOẠT (THEO QUY CHUẨN QCVN 01:2021/BXD)

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VŨ THƯ, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

